

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HÀNH TÍN TÂY**  
...📖...

**DỰ ÁN  
CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI SINH SẢN**  
Thực hiện Tiểu dự án 2- Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG phát triển  
kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025



- Chủ đầu tư : Ủy ban nhân dân xã Hành Tín Tây
- Cộng đồng thực hiện: Nhóm Cộng đồng dân cư thôn TRũng Kè II
- Nguồn vốn: Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025.

*Hành Tín Tây, năm 2025*



Số: 34/TTr-UBND

Hành Tín Tây, ngày 26 tháng 5 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị thẩm định Dự án Chăn nuôi bò cái lai sinh sản thôn Trũng Kè II**  
Tiểu dự án 2, dự án 3- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân  
tộc thiểu số và miền núi năm 2025

Kính gửi: - UBND huyện Nghĩa Hành;  
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;  
- Văn phòng HĐND và UBND huyện.

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;



Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2023, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền đề luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành định mức kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng;

Căn cứ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh và ngân sách huyện;

Căn cứ Hồ sơ đề xuất dự án chăn nuôi bò cái lai sinh sản của Cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II.

Ủy ban nhân dân xã Hành Tín Tây, kính đề nghị UBND huyện Nghĩa Hành, Phòng Tài chính-Kế hoạch và Văn phòng HĐND và UBND huyện, xem xét thẩm định và phê duyệt Dự án chăn nuôi bò cái lai sinh sản, gồm những nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Dự án chăn nuôi bò cái lai sinh sản

**2. Địa điểm và thời gian thực hiện:**

- Địa điểm thực hiện: thôn Trũng Kè II, Xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2025 - 2027

**3. Chủ đầu tư:**

- Ủy ban nhân dân xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành

**4. Đối tượng thực hiện:**



Đối tượng là 6 hộ nghèo, hộ cận nghèo thường trú tại địa phương được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, có tham gia vào cộng đồng dân cư, và có điều kiện chăn nuôi bò cái lai sinh sản.

**5. Nội dung và quy mô thực hiện:**

- Bò cái lai: 6 con.
- Đá liếm dinh dưỡng: 18kg
- Số hộ hưởng lợi: 6 hộ (01 nhóm cộng đồng)
- Trọng lượng bò giống bình quân 225 kg/con
- Tập huấn kỹ thuật cho nông dân: 01 lớp

**8. Nguồn vốn đầu tư: Tổng vốn 222.780.000 đồng. Trong đó:**

- Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước: 144.300.000 đồng (tương đương 64,8%),  
gồm:

- + Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 126.000.000 đồng
- + Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 12.000.000 đồng
- + Nguồn vốn ngân sách huyện: 6.300.000 đồng
- Nguồn vốn dân đóng góp: 78.480.000 đồng (tương đương 35,2%)

*(Chi tiết có dự án và dự toán kèm theo)*

Kính trình UBND huyện Nghĩa Hành, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Văn phòng HĐND và UBND huyện xem xét thẩm định để UBND xã Hành Tín Tây có cơ sở triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Mai Văn Cường*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hành Tín Tây, ngày 22 tháng 5 năm 2025*

**DỰ ÁN**  
**HỖ TRỢ CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI SINH SẢN THÔN TRƯNG KÈ II**  
**Tiểu dự án 2, Dự án 3 – Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng**  
**đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025**

**I. Đặt vấn đề**

**1.1. Sự cần thiết phải xây dựng dự án:**

**1.1.1. Sơ lược điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội vùng dự án**

**a) Điều kiện tự nhiên:**

Hành Tín Tây có vị trí địa lý về phía Tây Nam huyện Nghĩa Hành, bao gồm 8 thôn: Tân Hòa, Tân Phú, Long Bình, Đồng Miếu, Phú Thọ, Phú Khương, Trũng Kè 1 và Trũng Kè 2. Địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía đông giáp với Sông Vệ
- Phía Tây giáp huyện Minh Long
- Phía Nam giáp huyện Ba Tơ
- Phía Bắc giáp xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành

**b) Điều kiện kinh tế:**

- Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 74,2%, giá trị sản xuất đạt: 94,5 tỷ đồng.

- Sản xuất công nghiệp - xây dựng chiếm 9,6%, giá trị sản xuất đạt: 13,2 tỷ đồng.

- Sản xuất thương mại - dịch vụ chiếm 16,2% , giá trị sản xuất đạt: 22 tỷ đồng.

- Diện tích, năng suất, sản lượng hàng năm của một số cây trồng chính :

+ Cây lúa: 302,5 ha, năng suất bình quân 61,62 tạ/ha, sản lượng 1.864 tấn.

+ Cây ngô: 200 ha, trong đó ngô hạt 15 ha, năng suất 68,7 tạ/ha, sản lượng 103 tấn.

+ Cây mỳ: 41 ha, năng suất 260 tạ/ha, sản lượng 1.066 tấn.

+ Cây lạc: 50 ha, năng suất 25,5 tạ/ha, sản lượng 127,5 tấn.

+ Rau các loại: 15 ha, năng suất 170 tạ/ha, sản lượng 255 tấn.

+ Đậu các loại 15 ha, năng suất 25 tạ/ha, sản lượng 37,5 tấn.

- Chăn nuôi: Tổng đàn trâu: 2.827 con (tỷ lệ trâu lai chiếm 98% tổng đàn trâu); đàn trâu: 601 con; đàn lợn: 1.824 con.

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp:



+ Địa phương tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tốc độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp tương đối ổn định.

+ Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng mang lại hiệu quả tích cực. Giá trị sản xuất tăng dần qua các năm, sản lượng lương thực giữ ổn định ở mức cao, bình quân lương thực đầu người là 380 kg/người.

+ Bước đầu hình thành các vùng sản xuất, trang trại chăn nuôi tập trung theo hướng hàng hóa, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

c) Điều kiện xã hội:

- Dân số: 1.234 hộ, 5.146 người; mật độ dân số trung bình 131 người/km<sup>2</sup>.

- Lao động: Tổng số lao động trong độ tuổi có khả năng lao động 2.947 người, chiếm 57,2%/tổng dân số (nam: 1.627 người, nữ: 1.320 người); trong đó: lao động nông nghiệp: 2.186 người, chiếm khoảng 74,2%, lao động phi nông nghiệp: 761 người, chiếm 25,8%.

- Lao động qua đào tạo 2.349 người, chiếm khoảng 62%/tổng lao động trong độ tuổi.

- Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 1.007 người, chiếm 34,2%/tổng lao động trong độ tuổi.

- Thu nhập bình quân đầu người là 45 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo Quốc gia 8,75%.

1.1.2. Tính cấp thiết của dự án

Trong những năm qua, kinh tế của xã đã đạt được những kết quả đáng khích lệ nhưng vẫn còn một số hạn chế nhất định. Chất lượng sản phẩm về cây trồng vật nuôi chưa được chú trọng dẫn đến tăng trưởng kinh tế trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chưa thật sự ổn định và bền vững, nhất là sản xuất theo chuỗi để nâng cao giá trị và sản xuất theo mô hình cộng đồng.

Bò lai là giống vật nuôi dễ nuôi, được nuôi phổ biến ở nước ta, mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người nông dân, góp phần giải quyết công ăn việc làm ở vùng nông thôn. Tuy nhiên việc chăn nuôi bò ở xã Hành Tín Tây cũng đã bộc lộ nhiều hạn chế và thiếu tính bền vững. Cụ thể là quy mô chăn nuôi còn nhỏ, phân tán; việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật còn hạn chế; dịch bệnh gia súc thường xuyên đe dọa, nguồn giống và đầu ra sản phẩm không ổn định, hiệu quả chưa cao ...

Vì vậy việc đầu tư mô hình chăn nuôi bò cái lai sinh sản là rất cấp thiết, nhằm đa dạng sản phẩm chăn nuôi tại địa phương do chính cộng đồng dân cư tự đề xuất thực hiện, tiết kiệm kinh phí đầu tư và hạ giá thành, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định, bền vững.

1.2. Cơ sở pháp lý để xây dựng dự án:

- Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng



Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG;

- Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025

- Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2023, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

- Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát



triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành định mức kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng;

- Căn cứ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh và ngân sách huyện;

- Căn cứ nhu cầu phát triển sản xuất của địa phương.

## **II. Mục tiêu dự án:**

### **2.1. Mục tiêu chung:**

Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất cho hộ nghèo, cận nghèo trong cộng đồng dân cư, hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Nhân rộng và đẩy mạnh phát triển sản xuất, đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, tạo giá trị gia tăng, tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững cho các hộ dân trong cộng đồng.

Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi bò cái lai đảm bảo vệ sinh môi trường, cung cấp cho thị trường sản phẩm bò chất lượng cao phục vụ phát triển chăn nuôi.

Từng bước hình thành chuỗi giá trị chăn nuôi bò cái sinh sản, nâng cao năng lực sản xuất cho hộ nghèo, cận nghèo.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Bước đầu tạo thu nhập, đảm bảo sinh kế ổn định cho 6 hộ dân trong nhóm cộng đồng, từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững cho 03 hộ

## **III. Địa điểm, thời gian triển khai**

### **3.1. Địa bàn:**

Thực hiện tại cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

### **3.2. Thời gian thực hiện:**

Thực hiện 18 tháng, từ tháng 6/2025

## **IV. Đơn vị quản lý, thực hiện dự án**

**4.1. Đơn vị quản lý:** Ủy ban nhân dân xã Hành Tín Tây.

**4.2. Đơn vị thực hiện:** Cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II

**4. Người đại diện:** Ông Phạm Thanh – Thôn trưởng.

## **V. Các hoạt động của dự án:**

### **5.1. Công tác chuẩn bị xây dựng dự án:**

- Sau khi có Quyết định phân bổ vốn của UBND huyện Nghĩa Hành, Ban



chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Hành Tín Tây phối hợp với các Ban ngành của xã và Ban thôn tổ chức khảo sát nhu cầu và tìm hiểu nguyện vọng của người dân để xác định mô hình đầu tư thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo phù hợp cho cộng đồng dân cư. Kết quả khảo sát đã xác định mô hình nuôi bò cái lai là phù hợp, được người dân đồng tình ủng hộ nhất.

- Tổ chức họp nhóm cộng đồng dân cư xã Trũng Kè II, nêu quy chế hoạt động và thành lập nhóm cộng đồng dân cư, bao gồm 8 thành viên.

- Các thành viên nhóm cộng đồng thực hiện mô hình chăn nuôi bò cái lai phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Đối tượng tham gia ưu tiên xét chọn là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có công, thương binh, thờ cúng liệt sĩ...theo quy định tại Mục 5, Điều 20, Nghị định số 27/2022 ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

+ Đất đai: Đảm bảo có đất để làm chuồng và trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò.

+ Lao động: Có sức lao động để thực hiện nuôi dưỡng và chăm sóc bò.

+ Có vốn đối ứng để mua vắc xin, thuốc sát trùng, đá liếm, phối giống cho bò, thức ăn công nghiệp,... (ngoài phần hỗ trợ của ngân sách nhà nước theo dự toán được duyệt).

### **5.2. Danh sách đối tượng tham gia dự án:**

Số hộ tham gia thực hiện dự án được xét chọn có 6 hộ, bao gồm: 03 hộ nghèo và 03 hộ cận nghèo. Cụ thể danh sách như sau:

| TT | Họ tên người đại diện hộ gia đình tham gia dự án | Địa chỉ     | Hộ gia đình thuộc diện (theo khoản 5, Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) |
|----|--------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Phạm Thị Bĩa                                     | Trũng Kè II | Hộ nghèo                                                                  |
| 2  | Phạm Thị Goa                                     | Trũng Kè II | Hộ nghèo                                                                  |
| 3  | Phạm Mẹo                                         | Trũng Kè II | Hộ cận nghèo                                                              |
| 4  | Phạm Sang                                        | Trũng Kè II | Hộ cận nghèo                                                              |
| 5  | Phạm Rĩa                                         | Trũng Kè II | Hộ cận nghèo                                                              |
| 6  | Phạm Hiền                                        | Trũng Kè II | Hộ nghèo                                                                  |

### **5.3. Các nội dung triển khai dự án:**

#### **5.3.1. Quy mô:**

- Số hộ tham gia: 6 hộ

- Số lượng bò: 6 con/6 hộ, mỗi hộ được hỗ trợ 01 con.

5.3.2. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp thông qua ông Phạm Thanh - đại diện nhóm cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II

5.3.3. Tiêu chuẩn vật tư, nguyên liệu, công cụ hỗ trợ:

#### **a) Giống bò**

- Bò cái lai Zebu trọng lượng trung bình 225 kg/con, tuổi từ 18 -20 tháng tuổi, chất lượng con giống khỏe mạnh không có dị tật, bệnh tật, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, không nằm trong vùng dịch, được tiêm phòng vắc xin đầy đủ



theo quy định.

b) Thức ăn tinh

- Thức ăn hỗn hợp công nghiệp sử dụng làm thức ăn bổ sung cho bò được sản xuất tại Việt Nam. Tiêu chuẩn, chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở do nhà sản xuất công bố.

- Khuyến cáo sử dụng các loại nguyên liệu: cám gạo, bột bắp, bột mì phối trộn thành thức ăn hỗn hợp để chăn nuôi nhằm hạ giá thành.

c) Bố trí diện tích đất để trồng cây thức ăn xanh nuôi bò, hạn chế cắt hái, thu lượm cỏ tự nhiên tránh bị ngộ độc hóa chất.

d) Hóa chất sát trùng, đá liếm:

- Chủng loại: Sử dụng các loại thuốc thú y và hoá chất trong danh mục được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của nhà nước.

- Tiêu chuẩn, chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở do nhà sản xuất công bố.

5.3.4. *Thuê cán bộ kỹ thuật trực tiếp hướng dẫn tại dự án*

Dự án thực hiện có sự hướng dẫn, kiểm tra giám sát của cán bộ thú y xã.

5.3.5. *Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật thực hiện dự án*

a) Tập huấn: Trước khi giao nhận giống, vật tư nguyên liệu sản xuất, Ban đại diện Nhóm hộ mời cơ quan chuyên môn thuộc huyện hoặc chuyên gia có kinh nghiệm để triển khai tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ thực hiện dự án cho thành viên tham gia dự án. Nội dung tập huấn, chuyển giao công nghệ như sau:

b) Chuyển giao khoa học công nghệ

*b1. Chuồng trại:*

- Xây dựng nơi khô ráo, thoáng mát, cách xa nơi ở, hệ thống nước sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Có thể xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp chuồng sẵn có; tận dụng các loại nguyên vật liệu sẵn có để xây dựng nhằm hạ giá thành nhưng đảm bảo vững chắc, chăn nuôi lâu dài.

- Diện tích chuồng tối thiểu 6m<sup>2</sup>/con bò cái sinh sản, mặt nền nhám hạn chế trơn trượt; máng ăn, máng uống sạch sẽ và thuận lợi cho việc cho ăn, uống.

*b2. Giống bò:*

- Sử dụng bò cái hậu bị lai Zebu (lai Sind, lai Brahman, lai Sahiwal) có tỷ lệ máu lai từ 50% trở lên để đầu tư phát triển chăn nuôi.

- Tuổi bò từ 18 tháng tuổi, trọng lượng trung bình: 225 kg/con

- Ngoại hình, thể chất:

+ Minh dài, đầu thanh, phần sau phát triển.

+ Đuôi dài, khẩu đuôi to, khung chậu rộng.

+ Âm hộ và bầu vú phát triển, 04 núm vú to, dài vừa phải.

- Bò giống được bảo hành trong thời gian 30 ngày kể từ lúc giao nhận.

*b3. Chăm sóc nuôi dưỡng:*

- Thực hiện quy trình chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi



trường theo hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi.

- Nhân giống bò:

+ Lúa đẻ thứ nhất dùng tinh bò Zebu phối giống tạo ra con lai Zebu. Nếu là bê cái sử dụng nuôi sinh sản, nếu là bê đực sử dụng nuôi thịt.

+ Lúa đẻ hai trở đi sử dụng tinh các giống bò: BBB của Bỉ, Angus của Mỹ và Droughmaster của Úc phối tinh để tạo ra con lai nuôi thịt.

+ Khuyến cáo từ lứa thứ ba trở đi nên thực hiện luân phiên trong việc nhân giống bò: “01 lứa phối tinh giống bò Zebu, 01 lứa phối tinh giống bò thịt”.

*b4. Các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:*

- Tuổi phối giống lần đầu của bò cái  $\geq 24$  tháng.

- Tỷ lệ phối giống có chứa lúa đầu  $\geq 90\%$ .

- Trọng lượng bê lai Zebu:

+ Sơ sinh: 18 - 20 kg/con.

+ 06 tháng tuổi : 100 - 120 kg/con.

+ 12 tháng tuổi : 160 - 180 kg/con.

+ 18 tháng tuổi: 230 - 240 kg/con.

+ 24 tháng tuổi: 260 - 280 kg/con.

#### 5.3.6. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm

a) Kế hoạch và tiến độ thực hiện các hoạt động của dự án

- Kế hoạch thực hiện: 18 tháng, từ tháng 6/2025

- Tiến độ thực hiện:

Dự án được thực hiện theo hình thức phân tán tại 7 hộ gia đình của thôn Trũng Kè II. Do vậy cần có sự phối hợp và kiểm tra giám sát của các Hội đoàn thể, Ban thôn và Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG của xã Hành Tín Tây trong từng thời điểm và nội dung, kết quả cụ thể như sau:

| Thời gian    | Nội dung thực hiện                                                     | Kết quả đạt được                                                               | Thành phần thực hiện             |
|--------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| Tháng 5/2025 | Chọn điểm chọn hộ dân thực hiện mô hình; họp Nhóm Cộng đồng            | Chọn xong điểm và các hộ thực hiện mô hình. Lập thuyết minh đề nghị phê duyệt. | Nhóm Cộng đồng dân cư và UBND xã |
| Tháng 5/2025 | Lập hồ sơ dự án và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt                   | Thuyết minh được phê duyệt                                                     | Nhóm Cộng đồng dân cư và UBND xã |
| Tháng 6/2025 | Tập huấn kỹ thuật, kiểm tra làm chuồng trại tại các hộ tham gia dự án. | Các hộ thực hiện dự án đã nắm bắt được kỹ thuật và làm xong chuồng trại.       | CBKT và Nhóm Cộng đồng           |



| <b>Thời gian</b>       | <b>Nội dung thực hiện</b>                                                                           | <b>Kết quả đạt được</b>                                                                                             | <b>Thành phần thực hiện</b>               |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Tháng 6/2025           | Mua sắm và cấp phát con giống, vật tư                                                               | 6 con bò cái lai, đá liếm                                                                                           | UBND xã + Nhóm Cộng đồng                  |
| Tháng 7/2025 – 11/2026 | Kiểm tra tình hình chăm sóc bò cái lai của Nhóm Cộng đồng.                                          | 6 con bò cái lai được nuôi dưỡng, chăm sóc bò tốt, thích nghi với điều kiện tại địa phương và sinh sản lứa thứ nhất | Lãnh đạo UBND xã, CBKT và Nhóm Cộng đồng. |
| Từ tháng 12/2026       | Kiểm tra, đánh giá kết quả sinh trưởng và phát triển của bò, đánh giá hiệu quả và nhân rộng mô hình | Bò sinh trưởng phát triển tốt, sinh sản đảm bảo chỉ tiêu đề ra, mang lại hiệu quả cho hộ tham gia dự án.            | CBKT và Nhóm Cộng đồng hộ nông dân.       |
| Tháng 3/2027           | Thu hồi tiền quay vòng 5% tổng ngân sách hỗ trợ                                                     |                                                                                                                     | UBND xã và Nhóm Cộng đồng                 |

b) Phương án mua sắm, tiếp nhận vật tư, con giống từ ngân sách nhà nước:

- Đại diện nhóm cộng đồng thực hiện tiếp nhận vật tư, con giống theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và hợp đồng ký kết giữa các bên: “Ủy ban nhân dân xã - Đại diện nhóm cộng đồng - Đơn vị cung cấp giống, vật tư, hàng hoá”. Đại diện nhóm cộng đồng có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho Ủy ban nhân dân xã lưu giữ, thanh quyết toán theo quy định.

- UBND xã thanh toán kinh phí cho bên cung cấp giống, vật tư, hàng hoá theo tiến độ thực hiện trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng hoàn thành của dự án và hồ sơ, chứng từ thanh toán đúng quy định hiện hành của nhà nước về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng ĐBDT thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Việc mua sắm giống, vật tư phải đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành. Đặc biệt, đối với con giống vật nuôi phải đáp ứng đầy đủ các quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các quy định khác có liên quan.

c) Mua sắm vật tư từ nguồn vốn của người dân:

Người chăn nuôi tham gia dự án tự tổ chức mua sắm và triển khai thực hiện các nội dung công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và nguồn kinh phí do mình đóng góp theo định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện đảm bảo mục tiêu đề ra.

d) Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Đối với bò mẹ ban đầu: Được liên tục duy trì nuôi sinh sản cho những chu kỳ sau cho đến khi bò mẹ không còn khả năng sinh sản thì chuyển sang chế độ nuôi vỗ béo để tận thu, tăng nguồn thu nhập.

- Đối với bê cái lai, hộ gia đình có thể tiếp tục nuôi sinh sản để mở rộng quy



mô đàn nhằm tăng giá trị, tăng thu nhập cho kinh tế gia đình và là điểm sáng cho các nhóm cộng đồng khác áp dụng.

- Đối với bê lai đực có thể chuyển sang nuôi thương phẩm. Nếu gia đình nào có điều kiện có thể nuôi đực giống để phục vụ phối giống bằng phương pháp nhảy trực tiếp cho những vùng có điều kiện khó khăn hoặc bò cái có thể trạng nhỏ, phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo nhưng không chữa.

e) Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm:

- Đại diện cộng đồng dân cư tìm kiếm thị trường, liên kết các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện quảng bá, tiêu thụ sản phẩm ra thị trường. Thỏa thuận, thống nhất ký Hợp đồng bao tiêu tiêu thụ toàn bộ sản phẩm đầu ra theo giá cả thị trường.

- Giá tiêu thụ các sản phẩm do dự án chăn nuôi bò lai sinh sản tạo ra được xác định theo cơ chế thị trường tại thời điểm thực hiện mua bán bằng biên bản khảo sát xác định giá của các bên liên quan.

- Ban đại diện nhóm làm việc với đơn vị cung ứng vật tư đầu vào để có kế hoạch liên kết tiêu thụ sản phẩm và phải được sự thống nhất của tất cả các thành viên nhóm trước khi bán sản phẩm.

#### *5.3.7. Kế hoạch quảng bá, xúc tiến thương mại*

Cộng đồng dân cư phối hợp với các đơn vị, HTX làm đầu mối giúp các hộ tham gia sẽ tăng cường công tác quảng bá thông tin qua các trang thông tin của địa phương, ... đồng thời giới thiệu đến các Doanh nghiệp, Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện thu mua sản phẩm của các hộ dân tham gia dự án.

- Đăng kí cấp các chứng nhận an toàn thực phẩm tiếp cận với các siêu thị, nhà hàng, trong và ngoài tỉnh để tìm đầu ra lâu dài cho sản phẩm.

- Khi có điều kiện, nhóm cộng đồng cần hướng đến phương thức chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo hướng hữu cơ, chăn nuôi khép kín tuần hoàn để tăng giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

#### *5.3.8. Học tập các dự án hiệu quả*

Cộng đồng dân cư tự tổ chức tham quan học tập các dự án có hiệu quả và tiêu biểu trong và ngoài huyện

#### *5.3.9. Hội nghị tổng kết dự án*

Tổ chức tổng kết đánh giá kết quả đã đạt được; bàn giải pháp duy trì và nhân rộng vào quý I/2027.

#### *5.3.10. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng vốn trong cộng đồng (nếu có).*

Cơ chế quay vòng vốn được thực hiện theo Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Theo đó: Hành Tín Tây là xã triển khai dự án tại thôn Trũng Kè II là thôn



DTTS&MN nên tỷ lệ quay vòng luân chuyển vốn được xác định là 5% so với tổng vốn ngân sách đầu tư.

- Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền

- Như vậy mức thu hồi để quay vòng luân chuyển vốn là: 144.300.000 đồng x 5% = 7.215.000 đồng

- Mức thu hồi/hộ: 7.215.000 đồng/6 hộ = 1.202.500 đồng

- Thời hạn thực hiện thu hồi kinh phí để sử dụng quay vòng vốn:

Thời gian thu hồi tối đa không quá 03 tháng kể từ khi kết thúc chu kỳ sản xuất (kể từ khi tạo ra sản phẩm).

Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không hiệu quả do các nguyên nhân khách quan thì người có thẩm quyền căn cứ quy định của pháp luật có biện pháp xử lý cụ thể.

- Hình thức, trình tự luân chuyển:

- + Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền.

- + Trình tự luân chuyển:

- Trình tự luân chuyển, quay vòng:

- + 6 hộ tham gia dự án nộp lại kinh phí phải quay vòng theo quy định là 1.202.500 đồng/hộ theo quy định vào tài khoản tiền gửi của UBND xã Hành Tín Tây.

- Trường hợp trong 6 hộ tham gia thực hiện dự án nhưng không muốn tiếp tục thực hiện hoặc không có khả năng tiếp tục thực hiện hoặc không thực hiện đúng cam kết, chủ đầu tư căn cứ vào điều kiện thực tế yêu cầu đối tượng tham gia dự án hoàn trả khoản kinh phí nhà nước đã hỗ trợ; đồng thời điều chuyển cho các đối tượng khác có nhu cầu và đủ điều kiện tham gia.

## **VI. Kinh phí thực hiện dự án:**

### **6.1. Dự toán kinh phí thực hiện dự án:**

*6.1.1. Tổng kinh phí thực hiện dự án là 222.780.000 đồng; trong đó:*

- Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước: 144.300.000 đồng (tương đương 64,8%),

- Nguồn vốn dân đóng góp: 78.480.000 đồng (tương đương 35,2%).



**6.1.2. Chi tiết dự toán:**

**ĐVT: 1.000 VNĐ**

| TT | Nội dung hỗ trợ                                                                    | ĐVT  | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Trong đó      |            |         | Ghi chú                                                      |            |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|---------|------------|---------------|------------|---------|--------------------------------------------------------------|------------|
|    |                                                                                    |      |          |         |            | Vốn ngân sách |            | Vốn dân |                                                              |            |
|    |                                                                                    |      |          |         |            | Tỷ lệ %       | Thành tiền | Tỷ lệ % |                                                              | Thành tiền |
| 1  | Bò cái lai nuôi sinh sản (TLTB: 225 kg/con)                                        | Con  | 6        | 22.500  | 135.000    | 100           | 135.000    |         | QĐ 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023;<br>TĐG số 210/2025/16/ĐS-QNg |            |
| 2  | Tăng đá liếm dinh dưỡng cho bò (5 kg/con*6 con)                                    | Kg   | 30       | 30      | 900        | 60            | 540        | 100,0   |                                                              | 360        |
| 3  | TAHH cho bò chửa (540 Kg/con*6 con*90%)                                            | Kg   | 3.240    | 15      | 48.600     |               |            | 100,0   |                                                              | 48.600     |
| 4  | Thức ăn thô, xanh cho bò (25kg/con/ngày)                                           | Tấn  | 81,0     | 300     | 24.300     | -             |            | 100,0   |                                                              | 24.300     |
| 5  | Vắc xin cho bò (6 liều/con: 2LMLM, 2THT, 2VDNC)                                    | Liều | 36,0     | 30      | 1.080      |               |            | 100,0   |                                                              | 1.080      |
| 6  | Thuốc sát trùng nguyên chất (Pha loãng nồng độ 0,5%, sử dụng 50 lít dung dịch/con) | Lit  | 1,5      | 160     | 240        |               |            | 100,0   |                                                              | 240        |
| 7  | Thuốc tẩy nội + ngoại KST (2 liều/con*6 con)                                       | Liều | 12       | 25      | 300        | -             |            | 100,0   |                                                              | 300        |
| 8  | Chi phí phối giống                                                                 | Con  | 12       | 300     | 3.600      | -             |            | 100,0   |                                                              | 3.600      |



|           |                                                                                  |       |    |       |         |      |         |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|-------|----|-------|---------|------|---------|------|--------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 9         | Tập huấn kỹ thuật                                                                |       |    |       | 2.400   | 100  | 2.400   |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|           | Tiền ăn                                                                          | Người | 6  | 100   | 600     | 100  | 600     |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|           | Tiền nước uống                                                                   | Người | 6  | 20    | 120     | 100  | 120     |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|           | Soạn thảo, in ấn, photo tài liệu                                                 | Bộ    | 6  | 30    | 180     | 100  | 180     |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|           | Hội trường, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, phục vụ                               | Ngày  | 1  | 500   | 500     | 100  | 500     |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|           | Thủ lao giảng viên tập huấn                                                      | Ngày  | 1  | 1.000 | 1.000   | 100  | 1.000   |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|           |                                                                                  |       |    |       |         |      |         |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10        | Thăm định giá                                                                    | CT    | 1  | 2.750 | 2.750   | 100  | 2.750   |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11        | Hỗ trợ cho cán bộ ngoài tiền công tác phí (1 thôn trường + 4 cán bộ xã *10 buổi) | Buổi  | 50 | 50    | 2.500   | 100  | 2.500   |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12        | Văn phòng phẩm                                                                   |       |    | 1.110 | 1.110   | 100  | 1.110   |      |        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng |                                                                                  |       |    |       | 222.780 | 64,8 | 144.300 | 35,2 | 78.480 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |



## 6.2. Thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: Năm 2025

## VII. Dự kiến hiệu quả kinh tế, kết quả đầu ra và tác động của dự án:

### 7.1. Hiệu quả của dự án:

#### 7.1.1. Hiệu quả kinh tế và chỉ số việc làm:

ĐVT: 1.000 đồng

| TT         | Nội dung                                                                            | ĐVT    | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền     | Ghi chú                                  |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|---------|----------------|------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Chi phí đầu tư trực tiếp</b>                                                     |        |          |         | <b>216.540</b> |                                          |
| 1          | Bò cái lai nuôi sinh sản (TLTB: 225 kg/con)                                         | Con    | 6,0      | 22.500  | 135.000        |                                          |
| 2          | Tăng đá liếm dinh dưỡng cho bò (5 kg/con*6 con)                                     | Kg     | 30,0     | 30      | 900            |                                          |
| 3          | TAHH cho bò chữa (540 Kg/con *6 con *90%)                                           | Tấn    | 3.240,0  | 15      | 48.600         | 540kg/con                                |
| 4          | Thức ăn thô, xanh cho bò (25kg/con/ngày)                                            | Lit    | 81,0     | 300     | 24.300         | Hộ tự sản xuất nguồn thức ăn xanh        |
| 5          | Vắc xin cho bò (6 liều/con: 2LMLM, 2THT, 2VDNC)                                     | Liều   | 36,0     | -       | -              | Được Nhà nước hỗ trợ định kỳ             |
| 6          | Thuốc sát trùng nguyên chất (Pha loãng nồng độ 0,5% , sử dụng 50 lít dung dịch/con) | Kg     | 1,5      | 160     | 240            |                                          |
| 7          | Thuốc tẩy nội + ngoại KST (2 liều/con*6 con)                                        | Chuồng | 12,0     | 25      | 300            |                                          |
| 8          | Chi phí phối giống                                                                  | Con    | 24,0     | 300     | 7.200          |                                          |
| <b>II</b>  | <b>Dự kiến doanh thu sau 18 tháng nuôi</b>                                          |        |          |         | <b>278.000</b> |                                          |
| 1          | Bò mẹ                                                                               | Con    | 6,0      | 33.000  | 198.000        | Bò mẹ chữa lứa thứ 2                     |
| 2          | Bê con                                                                              | Con    | 5,0      | 16.000  | 80.000         | Tỷ lệ phối giống có chữa và sinh sản 90% |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận của dự án</b>                                                          |        |          |         | <b>61.460</b>  |                                          |
| <b>IV</b>  | <b>Lợi nhuận/con</b>                                                                |        |          |         | <b>10.243</b>  | Không tính công lao động                 |

- Sau 18 tháng nuôi, dự kiến hiệu quả kinh tế đạt được là:

+ Tổng chi phí: 216.540.000 đồng

+ Tổng thu nhập: 278.000.000 đồng

+ Tổng lợi nhuận: 61.460.000 đồng

+ Lợi nhuận bình quân/hộ: 10.243.000 đồng.

- Dự án được triển khai thực hiện sẽ tạo ra chỉ số việc làm trực tiếp cho 6



hộ gia đình có thu nhập, với mức tổng lợi nhuận trực tiếp trên 61 triệu đồng, lợi nhuận bình quân hơn 10 triệu/hộ.

- Nếu tận dụng nguồn thức ăn phế phụ phẩm trong nông nghiệp và cỏ tự nhiên để cắt giảm một phần thức ăn hỗn hợp thì lợi nhuận và thu nhập đem lại sẽ cao hơn.

- Trường hợp tiếp tục quay vòng kinh doanh chu kỳ 2, chu kỳ 3...thì lợi nhuận sẽ tăng lên gấp 2 – 3 – 4 lần so với lợi nhuận và thu nhập ban đầu.

**b. Hiệu quả về mặt xã hội**

- Năng suất lao động ngày càng cao, tăng thu nhập, góp phần xây dựng nông thôn mới nâng cao tiến đến xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và thông minh.

- Tạo sản phẩm đa dạng, cân đối với ngành trồng trọt, đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ nhu cầu thị trường.

- Từng bước thay đổi phương thức sản xuất truyền thống, nhỏ lẻ, thiếu đầu tư thâm canh, sản xuất không ổn định và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

**7.2. Dự kiến hiệu quả đầu ra của sản phẩm trong dự án:**

- Dự kiến đầu ra trực tiếp của dự án là bê con, tỷ lệ bò có chữa đạt và đẻ đạt 90% thì sản phẩm bê con khoảng 5 con (tính từ sau 18 tháng cấp bò giống). Sản phẩm này hộ dân tham gia thực hiện dự án có thể tiếp tục chăn nuôi để mở rộng hoặc bán ra thị trường.

- Ban đại diện nhóm chịu trách nhiệm tham khảo thị trường, lập kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.

- Ban đại diện nhóm phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của dự án ổn định.

**7.3. Tác động của dự án:**

**7.3.1. Tác động tích cực**

- Dự án phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Hiệu quả do dự án mang lại rất lớn, mở ra cơ hội nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản phẩm, tác động tới nhiều mặt đời sống kinh tế xã hội, tạo niềm tin cho nông dân an tâm phát triển sản xuất;

- Việc xác định đầu tư dự án chăn nuôi bò cái lai sinh sản và vật tư thiết yếu trong mô hình sản xuất nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng, vừa thúc đẩy kinh tế phát triển và chuyển dịch cơ cấu lao động là rất phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội tại địa phương hiện nay;

- Dự án được xây dựng dựa trên điều kiện thực tiễn của địa phương, các tiêu chí định mức kỹ thuật tiên tiến, có tính khả thi cao và phù hợp định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành;

- Dự án được thực thi sẽ góp phần nâng cao thu nhập cho các hộ tham gia mô hình, tích cực thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm với Doanh nghiệp hoặc các Hợp tác xã;



- Nâng cao trình độ chăn nuôi, đa dạng hóa vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi theo hướng bền vững. Tạo sản phẩm hàng hóa có chất lượng và giá trị kinh tế cao;

- Nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi theo hướng gia tăng giá trị, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

- Từng bước thay đổi phương thức sản xuất truyền thống, nhỏ lẻ, thiếu đầu tư thâm canh, sản xuất không ổn định;

- Cung cấp cho thị trường sản phẩm chăn nuôi chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm.

### **7.3.2. Tác động hạn chế và giải pháp khắc phục**

Trong quá trình vận hành liên hoàn của dự án, có thể dẫn đến tác động môi trường do xả chất thải của vật nuôi và con người như: nước tiểu, phân bò, nước dội rửa chuồng, thức ăn thừa, chất thải lò giết mổ, bao bì chứa hóa chất, bao bì chứa thức ăn hỗn hợp...

Để hạn chế giảm thiểu đến mức thấp nhất, dự án này đưa ra một số giải pháp khắc phục như sau:

+ Đối với chất thải hữu cơ do vật nuôi bài tiết hàng ngày, thức ăn còn thừa, do hoạt động dọn rửa vệ sinh chuồng... được tổ chức thu gom hàng ngày, chứa đựng vào hầm yếm khí để ủ phân hữu cơ hoai mục phục vụ trở lại cho lúa, ngô, cây rau màu và cây hoa. Khi quy mô chất thải hữu cơ hàng ngày tăng lớn và ổn định sẽ chuyển sang hầm Biogas để tạo khí đốt hoặc tạo điện năng phục vụ cho các nhu cầu khác.

+ Đối với chất thải khó tiêu hủy như bao bì hóa chất, bao bì ni lon... dự án xây dựng quy chế bắt buộc người chăn nuôi phải thu gom riêng và đưa về nơi xử lý theo quy định.

## **VIII. Xử lý vi phạm trong dự án**

- Sau khi dự án được UBND huyện thẩm định phê duyệt, UBND xã Hành Tín Tây là chủ đầu tư ký Hợp đồng trách nhiệm với nhóm cộng đồng để thực hiện mua sắm, tiếp nhận và quản lý, giám sát, tổ chức thực hiện các nội dung đầu tư theo nguyên tắc kịp thời, đầy đủ, đúng số lượng và chất lượng để nhóm cộng đồng thực hiện dự án đạt hiệu quả cao nhất. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia phải chịu bồi thường và xử lý trách nhiệm tùy theo mức độ vi phạm và mức độ gây thiệt hại.

- Nếu chủ đầu tư thay đổi nhóm cộng đồng, không thực hiện hỗ trợ nhóm cộng đồng dẫn đến gây thiệt hại cho các thành viên trong nhóm cộng đồng thì tùy theo mức độ gây thiệt hại có thể chịu trách nhiệm về ASXH tại địa phương hoặc bồi thường giá trị thiệt hại cho cộng đồng.

- Nhóm cộng đồng sau khi nhận bò giống và vật tư hỗ trợ nhưng không thực hiện chăn nuôi, chuyển đổi/mua bán cho hộ khác ngoài nhóm cộng đồng trong chu kỳ chăn nuôi tối thiểu 18 tháng, thực hiện chăn nuôi nhưng không đóng góp các chi phí khác theo dự toán dẫn đến hiệu quả thấp...tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị thu hồi một phần hoặc toàn phần giá trị hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách để chuyển sang thành viên cộng đồng khác.



- Các bên liên quan đã cam kết thực hiện một phần hoặc toàn phần nội dung dự án nhưng không hoàn thành nội dung cam kết dẫn đến thiệt hại cho các bên còn lại phải chịu trách nhiệm bồi thường, vi phạm gây thiệt hại mức độ nặng có thể bị truy cứu trách nhiệm.

## **IX. Tổ chức thực hiện dự án:**

### **1.1 Phương thức tổ chức thực hiện dự án, kiểm tra, giám sát dự án**

#### **1.1.1. Tiền dự án:**

**Bước 1.** Ủy ban nhân xã tổ chức họp quân dân chính triển khai Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.

- Thông qua các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Định hướng thành lập Nhóm cộng đồng dân cư tham gia dự án theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

#### **Bước 2.**

- Ủy ban nhân dân xã xây dựng, ban hành và niêm yết Thông báo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng – Tiểu dự án 2 – Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025.

- Hợp cộng đồng dân cư để thành lập Nhóm cộng đồng dân cư đề xuất dự án. Nhóm cộng đồng dân cư là nhóm hộ do Ông Phạm Thanh làm đại diện.

- Ban đại diện Nhóm hộ sản xuất khảo sát, xây dựng và gửi hồ sơ đề xuất dự án về UBND xã để tổng hợp trình Hội đồng thẩm định dự án thẩm định và phê duyệt.

#### **1.1.2. Dự án khả thi:**

#### **Bước 1.**

- UBND xã thông báo công khai dự án được duyệt đến cộng đồng dân cư biết để chuẩn bị triển khai thực hiện dự án theo nội dung và định mức được duyệt.

- UBND xã ký hợp đồng và giao kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nhóm cộng đồng tự thực hiện và bàn giao hồ sơ chứng từ liên quan trong việc thực hiện kế hoạch liên kết cho UBND xã lưu giữ, thanh quyết toán theo quy định.

#### **Bước 2.**

- Nhóm cộng đồng xây dựng phương án mua sắm vật tư, con giống thực hiện dự án; trong đó gồm: phương án mua sắm đề nghị hỗ trợ từ ngân sách và phương án mua sắm từ kinh phí đóng góp của cộng đồng.

- Tổ chức triển khai các hoạt động theo tiến độ thực hiện dự án được cấp



có thẩm quyền phê duyệt.

### **Bước 3. Kiểm tra, giám sát và thanh toán vốn:**

- UBND xã định kỳ, kiểm tra giám sát tính hình thực hiện dự án để kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện, hạn chế thấp nhất những phát sinh tiêu cực ảnh hưởng đến kết quả của dự án.

- UBND xã thanh toán kinh phí cho bên cung cấp giống, vật tư, hàng hoá theo tiến độ thực hiện trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng hoàn thành của dự án và hồ sơ, chứng từ thanh toán đúng quy định hiện hành của nhà nước về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

## **9.2. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia dự án**

### **9.2.1. Đối với UBND xã Hành Tín Tây:**

#### **\* Quyền hạn**

- Khảo sát, lựa chọn mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với tính đặc thù của địa phương, dễ thực hiện, được cơ quan quản lý cấp trên và cộng đồng dân cư đồng thuận.

- Tuyển chọn và thành lập nhóm cộng đồng đủ điều kiện để tham gia dự án đủ điều kiện thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, bao gồm:

- + Được thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật

- + Nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện

- + Nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện

- + Trong cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

- Ký hợp đồng trách nhiệm với đại diện nhóm cộng đồng để phối hợp và tiếp nhận nguồn lực đầu tư

- Chủ đầu tư, chỉ đạo nhóm cộng đồng dân cư xây dựng dự án trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt trước khi thực hiện.

- Thông báo nội dung dự án được UBND huyện phê duyệt đến cộng đồng dân cư và các đối tượng khác có liên quan để triển khai thực hiện.

- Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu, tiến độ và hiệu quả.

- Tổ chức đấu thầu/Xét chọn nhà thầu đủ năng lực, thương thảo và ký kết hợp đồng cung cấp bò giống và hỗ trợ kỹ thuật cho hộ dân đúng tiến độ và số lượng, chất lượng.

- Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền đẩy mạnh sản xuất, xóa đói giảm nghèo, tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả, hiệu quả của mô hình.

#### **\* Trách nhiệm**

- Tổ chức kiểm tra giám sát và hướng dẫn thực hiện dự án. Sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm, đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình.

- Tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết cho UBND huyện.



- Thực hiện thu hồi vốn sau khi kết thúc chu kỳ sản xuất và luân chuyển quay vòng theo quy định tại Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

#### 9.2.2. Đối với cộng đồng dân cư tham gia dự án

##### **\* Quyền hạn:**

- Được tập huấn kiến thức kỹ thuật nuôi bò cái lai.
- Được Nhà nước hỗ trợ bò giống.
- Được trọn quyền quyết định thị trường và giá cả tiêu thụ sản phẩm do gia đình và nhóm cộng đồng dân cư làm ra.
- Sau khi quay vòng, luân chuyển một phần vốn theo quy định tại dự án này. Phần còn lại được trọn quyền hưởng lợi và trọn quyền định đoạt.

##### **\* Trách nhiệm**

- Thực hiện đúng các cam kết về chăm sóc, nuôi dưỡng bò do UBND xã, BCD các Chương trình MTQG xã và Ban thôn, nhóm cộng đồng đề ra.
- Đóng góp đầy đủ các nguồn vốn đối ứng để thực hiện làm chuồng, mua thức ăn tinh hỗn hợp, thuốc thú y, vắc xin, đá liếm... và nhân công nuôi dưỡng, chăm sóc bò đúng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.
- Nộp lại một phần giá trị bằng tiền là 5% so với vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho chủ đầu tư (UBND xã Hành Tín Tây) để thực hiện chính sách luân chuyển theo quy định (dự án này quy định mức quay vòng luân chuyển của mỗi hộ là 1.202.500 đồng).
- Trong vòng 18 tháng chăn nuôi bò, nếu phối 2-3 lần mà bò không chữa thì Cộng đồng phải đổi bò cho hộ dân với trọng lượng tương đương bò đang nuôi dưỡng.

#### **X. Kết luận và kiến nghị**

- Dự án chăn nuôi bò sinh sản, thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 – Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại thôn Trũng Kè II, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành phù hợp với nguyện vọng chính đáng của các thành viên trong nhóm cộng đồng dân cư do ông Phạm Thanh làm đại diện.

- Biểu mẫu xây dựng hồ sơ dự án đúng với quy định hướng dẫn tại Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 21/7/2023.

- Các nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ được xây dựng phù hợp với quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Nghị định số 38/2023 ngày 24/6/2023 của Chính phủ; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

- Các định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng có cơ sở pháp lý và thực tiễn theo Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh và Chứng thư thẩm định giá.

- Sản phẩm của dự án có thị trường khá ổn định, khả năng tiêu thụ cao, luân chuyển quay vòng vốn được đề cập cụ thể và hợp lý.



- Hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội đảm bảo, tác động môi trường được đề cập và xử lý đầy đủ ... Do vậy dự án có tính khả thi cao.

Kính đề nghị UBND xã Hành Tín Tây trình Hội đồng thẩm định xem xét thông qua và phê duyệt để nhóm cộng đồng dân cư có căn cứ triển khai thực hiện các giai đoạn tiếp theo./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện Nghĩa Hành;
- VPUBND&HĐND huyện;
- Phòng NN và MT huyện;
- UBND xã Hành Tín Tây;
- Lưu.

**TM. NHÓM CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN TRƯNG KÈ II**  
**NHÓM TRƯỞNG**



**Phạm Thanh**



**Mẫu số 01: Dự án phát triển sản xuất cộng đồng**  
(Theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

**UBND XÃ HÀNH TÍN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÓM CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ  
THÔN TRƯNG KÈ II**

Trưng Kè II, ngày      tháng      năm 2025

### **BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ XÃ HÀNH TÍN TÂY**

Thực hiện Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của UBND xã Hành Tín Tây về việc công nhận nhóm cộng đồng dân cư tham gia Tiểu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Mô hình nuôi bò cái lai.

Hôm nay, ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại thôn Trưng Kè II đã tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư thôn Trưng Kè II nhằm mục đích công khai phổ biến đối tượng được ưu tiên xét chọn, mô hình được xét chọn thực hiện, nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, mức đóng góp của từng thành viên, mức quay vòng luân chuyển vốn theo quy định, cam kết trách nhiệm của từng thành viên và xây dựng quy chế hoạt động của nhóm cộng đồng.

Cuộc họp gồm các thành phần và nội dung như sau:

#### **I. Thành phần tham dự họp**

1. Chủ trì cuộc họp: Ông: Phạm Thanh - Trưởng nhóm cộng đồng
2. Thư ký ghi biên bản: Ông/bà...*Đinh... Văn... Phó*... Thư ký nhóm cộng đồng
3. Thành phần mời
  - Ông/bà...*Đinh... Thị... Long*.....Đại diện...*Đi... Thủ... Chi... Bà... Phó*.....
  - Ông/bà...*Hồ... Văn... Xảo*.....Đại diện...*Chị... Úy... Chi... Bồ... Phó*.....
  - Ông/bà...*Phạm... Huyền*.....Đại diện...*Chị... Thị... Mừng... Nông... Dân*.....
  - Ông/bà...*Phạm... Huyền*.....Đại diện...*Chị... Thị... Mừng... P.C.B.*.....
  - Ông/bà...*Phạm... Văn*.....Đại diện...*Tổ... Mừng... Tổ... A.N. Thuận*.....
  - Ông/bà...*Phạm... Ba*.....Đại diện...*Tổ... Phó... Tổ... A.N. Thuận*.....
  - Ông/bà...*Phạm... Thị... Thuý*.....Đại diện...*Chị... Thị... Mừng... Phó... Nữ*.....
  - Ông/bà...*Phạm... Văn... Hoàng*.....Đại diện...*Tổ... Viên... Tổ... A.N. Thuận*.....
4. Cộng đồng dân cư gồm đầy đủ 7 thành viên theo QĐ số 146/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của UBND xã Hành Tín Tây.

#### **II. Nội dung và kết quả cuộc họp**

**1. Phổ biến nội dung hỗ trợ Tiểu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Mô hình nuôi bò cái lai.**



- Công bố Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của UBND xã Hành Tín Tây về việc thành lập nhóm cộng đồng dân cư tham gia Tiểu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Mô hình nuôi bò cái lai.

- Tên dự án: Chăn nuôi bò cái lai sinh sản

- Các nội dung đề xuất hỗ trợ: Bò cái lai, đá liếm, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ cán bộ.

- Định mức KTKT áp dụng: Bò cái lai trọng lượng BQ 225kg/con áp dụng theo Quyết định 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Hình thức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước: Bằng hiện vật

- Hình thức đóng góp vốn đối ứng của người dân: Bằng hiện vật

- Tỷ lệ hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước: 65,1% tổng dự toán

- Tỷ lệ đóng góp của người dân: 34,9% tổng dự toán

- Thời gian hỗ trợ: 1 lần Năm 2025

- Mức quay vòng luân chuyển vốn: 5% so với vốn ngân sách nhà nước

- Mức quay vòng luân chuyển cụ thể: 1.202.500 đồng/hộ

- Thời gian thực hiện quay vòng luân chuyển vốn: sau khi kết thúc dự án 03 tháng.

- Vốn vay tín dụng từ ngân hàng CSXH: Không huy động

## 2. Xây dựng quy chế hoạt động của nhóm cộng đồng dân cư:

Cuộc họp thống nhất giao cho Trưởng nhóm nhóm cộng đồng soạn thảo quy chế cụ thể để thông qua nhóm điều chỉnh bổ sung trong cuộc họp nhóm cộng đồng dân cư lần sau.

## 3. Danh sách đối tượng tham gia dự án như sau:

| TT | Họ tên người đại diện gia đình tham gia dự án | Địa chỉ     | Hộ gia đình thuộc diện | Nội dung đăng ký hỗ trợ | Kinh phí đề nghị hỗ trợ (Triệu đồng) | Đối ứng của hộ (Bằng tiền hoặc hiện vật)                                                                                         | Đăng ký vay vốn từ ngân hàng CSXH (Triệu đồng) | Ký xác nhận hoặc dấu tay điểm chỉ |
|----|-----------------------------------------------|-------------|------------------------|-------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Phạm Thị Bĩa                                  | Trưng Kê II | Hộ nghèo               | Chăn nuôi bò cái lai    | 24,050                               | Bằng hiện vật (ngoài phần hỗ trợ của Nhà nước) về:<br>- Chi phí làm chuồng; phối giống; công chăm sóc nuôi dưỡng...<br>- Chi phí | Không                                          |                                   |



|   |              |             |              |                      |        |                                                                                                                                           |       |  |
|---|--------------|-------------|--------------|----------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--|
|   |              |             |              |                      |        | mua TẢHH                                                                                                                                  |       |  |
| 2 | Phạm Thị Goa | Trưng Kè II | Hộ nghèo     | Chăn nuôi bò cái lai | 24,050 | Bảng hiện vật (ngoài phần hỗ trợ của Nhà nước) về:<br>- Chi phí làm chuồng; phối giống; công chăm sóc nuôi dưỡng...<br>- Chi phí mua TẢHH | Không |  |
| 3 | Phạm Mẹo     | Trưng Kè II | Hộ cận nghèo | Chăn nuôi bò cái lai | 24,050 | Bảng hiện vật (ngoài phần hỗ trợ của Nhà nước) về:<br>- Chi phí làm chuồng; phối giống; công chăm sóc nuôi dưỡng...<br>- Chi phí mua TẢHH | Không |  |
| 4 | Phạm Sang    | Trưng Kè II | Hộ cận nghèo | Chăn nuôi bò cái lai | 24,050 | Bảng hiện vật (ngoài phần hỗ trợ của Nhà nước) về:<br>- Chi phí làm chuồng; phối giống; công chăm sóc nuôi dưỡng...<br>- Chi phí mua TẢHH | Không |  |
| 5 | Phạm Ria     | Trưng Kè II | Hộ cận nghèo | Chăn nuôi bò cái lai | 24,050 | Bảng hiện vật (ngoài phần hỗ trợ của Nhà nước) về:<br>- Chi phí làm chuồng; phối giống; công chăm sóc nuôi                                | Không |  |



|   |           |             |          |                      |        |                                                                                                                                           |       |  |
|---|-----------|-------------|----------|----------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--|
|   |           |             |          |                      |        | dưỡng...<br>- Chi phí mua TĂHH                                                                                                            |       |  |
| 6 | Phạm Hiên | Trưng Kè II | Hộ nghèo | Chăn nuôi bò cái lai | 24,050 | Bảng hiện vật (ngoài phần hỗ trợ của Nhà nước) về:<br>- Chi phí làm chuồng; phối giống; công chăm sóc nuôi dưỡng...<br>- Chi phí mua TĂHH | Không |  |

Cuộc họp kết thúc vào lúc.....giờ.....phút cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và ký tên./.

**Thư ký cuộc họp**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện**

**cộng đồng dân cư**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ trì cuộc họp**

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Phổ*  
*Dinh Văn Phổ*

*Uân*  
*Phạm Uân*

**TM/UBND XÃ**  
**CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Văn Dân*

*Thanh*  
*Phạm Thanh*

**Thành phần được mời**

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Long*  
*Dinh Văn Long*

*Xào*  
*Hồ Văn Xào*

*Thủy*  
*Phạm Thị Thủy*



**BIÊN BẢN HỌP**  
**Triển khai Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐB DTTS và MN  
Năm 2025**

Hôm nay, ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường UBND xã Hành Tín Tây.  
UBND xã tổ chức cuộc họp triển khai Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN năm 2025.

**I. Thành phần tham dự:**

**1. Đảng uỷ, HĐND xã:**

- Bà: Nguyễn Thị Ánh Nga

Phó Bí thư Đảng uỷ - CT HĐND xã

**2. Ủy ban nhân dân xã:**

- Ông: Mai Văn Tường

CT UBND xã: Chủ trì

- Bà: Nguyễn Mai Huyền

Công chức VH&XH: Thư ký

**3. Các tổ chức chính trị xã hội:**

- Ông: Phạm Minh Nghĩa

CT UBMTTQVN xã

- Ông: Mai Xuân Thoả

CT Hội Nông dân xã

- Ông: Nguyễn Tấn Boi

CT Hội Cựu chiến binh xã

- Bà: Đào Thị Kim Oanh

CT Hội phụ nữ xã

- Ông: Nguyễn Minh Đức

Bí thư Đoàn thanh niên xã

**4. Các thôn:**

- Bà: Phạm Thị Chín

Trưởng thôn Trũng Kè I

- Ông: Phạm Thanh

Trưởng thôn Trũng Kè II

**II. Nội dung cuộc họp:**

1. Triển khai Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 12/5/2025 của UBND xã Hành Tín Tây về việc Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã hành Tín Tây năm 2025.

Nội dung cụ thể là mua bò cái lai cấp cho 02 thôn Trũng Kè 1 và Trũng Kè 2 để chăn nuôi phát triển sản xuất

2. Lấy ý kiến lựa chọn dự án. Lấy ý kiến lựa chọn dự án/mô hình để xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng Tiểu dự án 2 – Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng trọt dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – mô hình chăn nuôi bò cái lai.

3. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng Tiểu dự án 2 – Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng trọt dược liệu quý, thúc



đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – mô hình chăn nuôi bò cái lai sinh sản.

### **III. Kết quả thảo luận:**

Sau khi trao đổi, thảo luận cuộc họp thống nhất các nội dung sau:

#### **1. Lựa chọn dự án/mô hình:**

**2.1. Tên dự án:** Chăn nuôi bò cái lai sinh sản

**2.2. Loại mô hình:** Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

#### **2. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:**

**2.1. Đối tượng tham gia:** Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

**2.2. Điều kiện hỗ trợ:** Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án hiệu quả.

#### **2.3. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước**

a, Nội dung hỗ trợ:

- Bò cái lai sinh sản
- Vật tư chăn nuôi theo định mức được phê duyệt (nếu có).
- Đào tạo, tập huấn cho thành viên dự án và cá nhân có liên quan
- Chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, áp dụng quy trình kỹ thuật chăn nuôi và quản lý đồng bộ.

- Hỗ trợ các bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án.

- Chi phí quản lý dự án

b, Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện dự án
- Hỗ trợ trực tiếp cho cộng đồng theo tiến độ thực hiện bằng hiện vật.

#### **2.4. Nội dung và mức đóng góp của người tham gia dự án**

a, Nội dung đóng góp:

- Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi bò sinh sản
- Thức ăn, thuốc thú y, hoá chất,... ngoài phần hỗ trợ của nhà nước
- Công lao động chăm sóc, nuôi dưỡng bò.

b, Mức đóng góp: Ngoài phần hỗ trợ của nhà nước, người dân tham gia dự án đóng góp kinh phí, tự quản lý và tổ chức thực hiện phần kinh phí đóng góp theo định mức được duyệt.

#### **2.5. Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ:**

- Hình thức thu hồi để quay vòng: bằng tiền mặt (VNĐ)
- Tỷ lệ quay vòng(tỷ lệ thu hồi): 5% tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ
- Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 3 tháng kể từ khi kết thúc dự án
- Trình tự luân chuyển, quay vòng: Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.



**2.7. Đơn vị thực hiện:** Cộng đồng dân cư tại thôn Trũng Kè I và thôn Trũng được UBND xã xác nhận.

### 2.8. Vốn, nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách:

- Ngân sách trung ương: 266.000.000 đồng

- Ngân sách tỉnh: 26.000.000 đồng

- Ngân sách huyện: 13.300.000 đồng.

**2.9. Thời gian hỗ trợ:** Năm 2025

### 3. Tổ chức thực hiện:

### 3.1 Giao Công chức Văn hoá xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội và nhóm cộng đồng dân cư, xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, tham mưu UBND xã ban hành làm cơ sở để triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

- Tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án của cộng đồng dân cư, tổng hợp tham mưu UBND xã trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

3.2. Nhóm cộng đồng dân cư theo quy định tại điểm 2.7 nêu trên, đồng thời căn cứ Thông báo của UBND xã xây dựng hồ sơ đề xuất dự án gửi UBND xã tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

3.3. Giao trưởng thôn Trũng Kè I và Trũng Kè II phối hợp với nhóm cộng đồng dân cư xét chọn hộ, thành lập nhóm hộ tham gia dự án đảm bảo các yêu cầu về đối tượng, điều kiện tham gia dự án; đồng thời phối hợp triển khai dự án theo quyết định phê duyệt.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ 00 cùng ngày. Các thành viên tham gia thống nhất nội dung biên bản./.

### Chủ trì cuộc họp

TM/UBND XÃ  
KT. CHỦ TỊCH  
Đại diện UBND xã

Inho  
Nguyen Mai Huyen

## Thành phần tham gia

Nguyễn Văn Dân

Phạm Minh Nghĩa

Amir  
Dua Tehi Kari Dand

Nguyễn Minh Đức

Dr. J. B. Baer



**THÔNG BÁO**

**Về việc nộp hồ sơ tham gia đề xuất dự án chăn nuôi bò cái lai  
Tiểu dự án 2- Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế  
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;



Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư công thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư công thuộc thẩm quyền của các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Lao động – Thương binh và xã hội và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;



- Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng;

- Căn cứ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh và ngân sách huyện;

Ủy ban nhân dân xã Hành Tín Tây thông báo về việc tham gia đề xuất dự án chăn nuôi Bò cái lai, Tiểu dự án 2 - Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 như sau:

**1. Tên Dự án:**

Dự án Chăn nuôi bò cái lai sinh sản (Tiểu dự án 2, Dự án 3) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025.

**2. Thời gian, địa điểm và kinh phí thực hiện:**

- Thời gian hỗ trợ: Năm 2025

- Địa điểm: Tại thôn Trũng Kè I và Trũng Kè II xã Hành Tín Tây.

- Kinh phí thực hiện:

+ Thôn Trũng Kè I: 161.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu đồng); trong đó: Ngân sách Trung ương: 140.000.000 đồng

Ngân sách tỉnh: 14.000.000 đồng

Ngân sách huyện: 7.000.000 đồng

+ Thôn Trũng Kè II: 144.300.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng);

Trong đó: Ngân sách Trung ương: 126.000.000 đồng

Ngân sách tỉnh: 12.000.000 đồng

Ngân sách huyện: 6.300.000 đồng

**3. Đối tượng tham gia:**

Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

**4. Đơn vị thực hiện:** Là nhóm cộng đồng dân cư đảm bảo theo quy định tại điểm b, c Điều 22 Nghị định 27 được sửa đổi tại Khoản 13, Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP.

**5. Thành phần hồ sơ:**

Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 01, 02 phụ lục kèm theo Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Số lượng hồ sơ đăng ký tuyển chọn: 01 bản chính (chữ ký trực tiếp, đóng dấu), 04 bản chụp và file hồ sơ.

**6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ**



- Thời hạn nhận hồ sơ: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo (trong giờ hành chính).

- Địa điểm: Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND xã Hành Tín Tây.

Thông báo này được đăng niêm yết công khai tại UBND xã, nhà sinh hoạt văn hoá thông và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng.

UBND xã Hành Tín Tây thông báo cộng đồng dân cư theo điểm 5 của thông báo này quan tâm, nộp hồ sơ tham gia thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng huyện (b/c);
- Đảng ủy xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Đài truyền thanh xã;
- Các trường thôn;
- Lưu VPUBND xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Mai Văn Cường*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**BIÊN BẢN**

**Kết thúc việc nộp hồ sơ dự án chăn nuôi bò cái lai**  
**Tiểu dự án 2- Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển**  
**kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025**

Căn cứ Thông báo số 15/TB-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của UBND xã Hành Tín Tây .

Hôm nay, lúc 14 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại UBND xã Hành Tín Tây, chúng tôi cùng trao đổi làm việc với các nội dung cụ thể như sau:

**I. Thành phần gồm có:**

- Ông (bà): MAI VAN TON Chức vụ: CT UBND xã - Chủ trì
- Ông (bà): NGUYEN MAI HUYEN Chức vụ: CE VHXH - Thư ký
- Ông (bà): NGUYEN VAN DUAN Chức vụ: phó UBND xã
- Ông (bà): PHAN MINH NGHIA Chức vụ: CT UBND xã
- Ông (bà): DAO TRA Chức vụ: phó UBND xã

**II. Nội dung:**

Tiến hành lập biên bản kết thúc Thông báo về việc nộp hồ sơ tham gia dự án chăn nuôi bò cái lai Tiểu dự án 2 - Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025.

Trong thời gian niêm yết công khai 07 ngày (từ ngày 16/5/2025 đến ngày 23/5/2025) tại nội dung Thông báo số 15/TB-UBND ngày 16/5/2025; UBND xã Hành Tín Tây nhận được duy nhất hồ sơ đề xuất dự án chăn nuôi bò cái lai sinh sản của Nhóm Cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II. Ngoài ra không có bất kỳ cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân nào khác gửi hồ sơ tham gia liên kết.

Hồ sơ đề xuất đảm bảo đúng yêu cầu theo mẫu số 01 và 02 phụ lục kèm theo Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

UBND xã Hành Tín Tây căn cứ Hồ sơ của Nhóm Cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II trình UBND huyện Nghĩa Hành thẩm định hồ sơ và phê duyệt dự án.



Biên bản kết thúc vào lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày, được đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, thống nhất nội dung và ký tên dưới đây./.

Thư ký

  
Nguyễn Mai Huyền

Chủ trì  
TM/UBND XÃ  
CHU TỊCH



  
Mai Văn Cường

Các thành phần tham gia



  
Nguyễn Văn Bôi

  
Phạm Minh Nghi

  
Nguyễn Minh Đức

  
Trần Kim Danh



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG TRÁCH NHIỆM**

Về việc thực hiện Tiêu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Dự án chăn nuôi bò cái lai)

Số: 02/2025/HĐTN-CĐDC

1. Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

2. Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

3. Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG;

4. Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025;

5. Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

6. Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

7. Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

8. Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;



9. Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

10. Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2023, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

11. Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 từ nguồn vốn Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh;

12. Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

13. Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành định mức kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

14. Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng;

15. Căn cứ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh và ngân sách huyện;

16. Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của UBND xã Hành Tín Tây về việc thành lập nhóm cộng đồng dân cư tham gia Tiểu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Dự án chăn nuôi bò cái lai, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành).

Hôm nay, ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại UBND xã Hành Tín Tây, chúng tôi gồm có:

**BÊN A (Chủ đầu tư/quản lý vốn): UBND xã Hành Tín Tây**

Do ông: Mai Văn Tường



Chức vụ: Chủ tịch UBND xã/Trưởng ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã  
Hành Tín Tây, làm đại diện.

Địa chỉ: Xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 0779429013

Tài khoản số: 9527.4.1065717 tại Kho bạc nhà nước TP.Quảng Ngãi.

**BÊN B (Tổ chức thực hiện dự án HTPTSX cộng đồng): Nhóm cộng đồng  
dân cư Trưng Kè II xã Hành Tín Tây**

Do ông: Phạm Thanh

Chức vụ: Nhóm trưởng, làm đại diện

Căn cước công dân: 051092002228..... Cấp ngày: 28/12/2022

Địa chỉ: xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 0963.400.935.....Email:.....

Tài khoản số: 109879515184.....tại ngân hàng.....VietinBank.....

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng trách nhiệm  
gồm các nội dung và điều khoản như sau:

### **Điều 1: Nội dung chính**

**1. Bên A thống nhất giao cho bên B, tổ chức triển khai thực hiện** Tiểu dự  
án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu  
quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Chương trình  
MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Dự án chăn  
nuôi bò cái lai) theo nội dung và quy mô dự kiến như sau:

- Tổng vốn đầu tư hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước: 144.300.000 đồng
- Nội dung và quy mô đầu tư hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước:
  - + Bò giống: 6 con bò cái lai.
  - + Tập huấn hỗ trợ kỹ thuật: 01 lớp
  - Hình thức đầu tư hỗ trợ: Toàn bộ bằng hiện vật đối với phần giá trị từ nguồn  
vốn ngân sách nhà nước.
  - Thời gian đầu tư hỗ trợ: Năm 2025
  - Mức thu hồi để thực hiện quay vòng luân chuyển vốn: 5% giá trị so với tổng  
vốn ngân sách.

- Hình thức thu hồi để quay vòng luân chuyển vốn: Bằng tiền

**2. Bên B thống nhất phối hợp chặt chẽ với bên A để tiếp nhận nguồn lực đầu  
tư của dự án và bàn giao cho các thành viên trong nhóm cộng đồng thực hiện mô  
hình chăn nuôi bò cái lai sinh sản đạt hiệu quả cao nhất, chất lượng tốt nhất.**

- Thời gian thực hiện chăn nuôi: Tối thiểu 18 tháng tính từ ngày nhận bò  
giống

- Thống nhất tiếp nhận và thực hiện đầy đủ các nội dung được nêu tại khoản  
1, điều 1, hợp đồng này.

### **Điều 2: Tiêu chuẩn chất lượng bò giống:**

- Bò cái lai Zebu trọng lượng trung bình 225 kg/con, được xác định bằng  
thước đo thể trọng bò của Viện khoa học nông nghiệp Miền Nam.

- Bò có ngoại hình đẹp, yếm rốn phát triển; màu lông đỏ hoặc cánh dán; móng  
tròn, khít; đuôi to, dài; móng nở, khung chậu rộng; vú và âm hộ phát triển; được  
chủng ngừa vắc xin đầy đủ theo quy định thú y.

- Tuổi bò từ 18 - 20 tháng.

### **Điều 3: Quyền hạn và trách nhiệm của bên A**



- Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu, tiến độ và hiệu quả.
- Chỉ đạo và phối hợp với các thôn, hội đoàn thể tổ chức xét chọn hộ hưởng lợi đủ năng lực, đảm bảo điều kiện theo dự án được duyệt.
- Kịp thời tổ chức mua sắm bò giống để cung cấp cho nhóm cộng đồng dân cư thực hiện dự án đúng tiến độ, số lượng và chất lượng.
- Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền đẩy mạnh sản xuất, xóa đói giảm nghèo, tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về kết quả, hiệu quả của mô hình.
- Trong thời gian triển khai thực hiện dự án, UBND xã phải thường xuyên hoặc định kỳ tổ chức kiểm tra giám sát nhóm cộng đồng thực hiện dự án và kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho nhóm cộng đồng nhằm phát huy hiệu quả dự án ở mức cao nhất, chất lượng nhất.
- Tổ chức thu hồi để quay vòng luân chuyển vốn với mức 5% vốn ngân sách theo quy định tại Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.
- Cuối chu kỳ dự án, tổ chức tổng kết nhân rộng mô hình và báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố.

#### **Điều 4: Quyền hạn và trách nhiệm của bên B**

- Được tập huấn kiến thức kỹ thuật nuôi bò cái lai sinh sản.
- Được Nhà nước hỗ trợ bò giống
- Đóng góp đầy đủ bằng hiện vật về các khoản ngoài phần hỗ trợ từ nguồn vốn NS để thể hiện trách nhiệm nhà nước và nhân dân cùng làm theo đơn cam kết của từng hộ thành viên.
- Trong chu kỳ chăn nuôi bò cái lai, tối thiểu 18 tháng từng thành viên trong nhóm CD không được tự ý trao đổi hoặc mua bán bò giống, vật tư thiết yếu cho người khác. Nếu hộ thành viên nào vi phạm sẽ bị thu hồi toàn bộ giá trị đầu tư để chuyển đổi cho hộ khác.
- Mỗi thành viên trong nhóm CD phải có trách nhiệm đóng góp bằng tiền trị giá 1.202.500 đồng để giao cho UBND xã thực hiện cơ chế quay vòng luân chuyển vốn theo quy định của UBND tỉnh.
- Thời gian thực hiện quay vòng luân chuyển vốn vào thời điểm trước hoặc sau khi kết thúc dự án tối đa là 3 tháng (dự án dự kiến 18 tháng).
- Nếu gặp rủi ro bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh...gây thiệt hại trong chăn nuôi sẽ được Hội đồng kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại để đề nghị hỗ trợ từ các nguồn khác (nếu có).
- Khi có SP của dự án (bê lai hướng thịt/bê cái hậu bị/bò vỗ béo ...) mỗi thành viên trong nhóm CD đều có quyền tự quyết định hình thức tiêu thụ, giá tiêu thụ theo cơ chế thị trường và nguyên tắc có lợi nhất.

#### **Điều 5: Xử lý vi phạm**

- Hai bên cam kết nâng cao vai trò và trách nhiệm để triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ, kịp thời, đủ số lượng, đạt chất lượng tốt nhất. Nếu có vướng mắc hoặc thay đổi cơ chế, 2 bên cùng bàn bạc để thống nhất điều chỉnh bổ sung cho phù hợp. Bên nào đơn phương thay đổi gây thiệt hại cho bên kia phải chịu bồi thường và xử lý trách nhiệm tùy theo mức độ vi phạm và mức độ gây thiệt hại.



- Nếu chủ đầu tư thay đổi nhóm cộng đồng, không thực hiện hỗ trợ nhóm cộng đồng dẫn đến gây thiệt hại cho các thành viên trong nhóm cộng đồng thì tùy theo mức độ gây thiệt hại có thể chịu trách nhiệm về ASXH tại địa phương hoặc bồi thường giá trị thiệt hại cho cộng đồng.

- Nhóm cộng đồng dân cư sau khi nhận bò giống hỗ trợ nhưng không thực hiện chăn nuôi, chuyển đổi/mua bán cho hộ khác ngoài nhóm cộng đồng trong chu kỳ chăn nuôi tối thiểu 18 tháng, hoặc thực hiện chăn nuôi nhưng không đóng góp các chi phí khác theo dự toán dẫn đến hiệu quả thấp...tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị thu hồi một phần hoặc toàn phần giá trị hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách để chuyển sang thành viên cộng đồng khác.

- Các bên liên quan đã cam kết thực hiện một phần hoặc toàn phần nội dung dự án nhưng không hoàn thành nội dung cam kết dẫn đến thiệt hại cho các bên còn lại phải chịu trách nhiệm bồi thường, vi phạm gây thiệt hại mức độ nặng có thể bị truy cứu trách nhiệm.

#### **Điều 6: Điều khoản chung**

1. Trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả 2 bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký.

Trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, 2 bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà 2 bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra tòa án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký. Khi kết thúc dự án tối thiểu 18 tháng, hợp đồng hết hiệu lực và xem như đã thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**Chủ tịch UBND xã**



**Mai Văn Tường**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**Nhóm trưởng CĐ dân cư**

**Phạm Thanh**







**BIÊN BẢN HỌP THÔN**

Thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Mô hình nuôi bò cái lai.

Hôm nay, ngày 18 tháng 5 năm 2025, tại NVH thôn Trùng Kè II

Ban dân chính thôn tổ chức họp để triển khai kế hoạch thực Tiểu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Mô hình nuôi bò cái lai gồm các thành phần và nội dung sau:

**1. Thành phần cuộc họp:**

Bà: Đinh Thị Long

Chức vụ: Bí thư Chi bộ thôn

Ông: Phạm Thanh

Chức vụ: Phó BTCB – Trưởng thôn

Ông: Hồ Văn Xào

Chức vụ: Chi uỷ Chi bộ

Ông: Đinh Văn Phở

Chức vụ: BT Chi đoàn thôn

\* Chủ trì cuộc họp:

Ông: Phạm Thanh

Chức vụ: Trưởng thôn Trùng Kè II

\* Thư ký ghi biên bản: Đinh Văn Phở

**2. Nội dung cuộc họp:**

- Chủ trì cuộc họp thông báo kết quả cuộc họp triển khai của xã vào ngày 14/5/2025

- Bình xét công khai, lựa chọn đối tượng tham gia Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Mô hình nuôi bò cái lai.

- Thành lập nhóm cộng đồng dân cư thực hiện mô hình chăn nuôi bò cái lai năm 2025 thuộc mà UBND xã đã triển khai.

- Lấy ý kiến về việc chọn giống bò cái lai để thực hiện mô hình.

**3. Kết quả cuộc họp:**

- Sau khi rà soát, bình xét công khai, cuộc họp đã thống nhất lựa chọn 06 hộ được thụ hưởng và thành lập nhóm cộng đồng dân cư (có danh sách kèm theo).

- Các hộ tham gia thực hiện mô hình của Nhóm cộng đồng thống nhất lựa chọn giống bò cái lai để chăn nuôi là bò lai Sind có tỷ lệ máu lai từ 50-70%.

- Đề nghị UBND xã ban hành quyết định công nhận Nhóm cộng đồng.

- Trưởng nhóm: Nhóm cộng đồng dân cư có trách nhiệm:



- + Lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.
  - + Tổng hợp ý kiến tham gia của đại biểu hoàn thiện Quy chế hoạt động của Nhóm cộng đồng để ban hành, thống nhất thực hiện.
- Cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày  
Biên bản được thông qua cho cuộc họp cùng nghe và thống nhất ký tên./.

**Thư ký**

Phổ  
Đinh Văn Phổ

**Chủ trì**

Thanh  
Phạm Thanh

**Thành phần tham dự họp**

Long      Tào  
Đinh Thị Long      Hồ Văn Tào



## DANH SÁCH HỘ ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Biên bản họp ngày 18 tháng 5 năm 2025 của thôn Trũng Kè II)

| TT | Họ và tên        | KDC/Xóm      | Đối tượng |              |                       |      |
|----|------------------|--------------|-----------|--------------|-----------------------|------|
|    |                  |              | Nghèo     | Cận<br>nghèo | Mới<br>thoát<br>nghèo | Khác |
| 1  | Phạm Thị Bía     | Trũng Kè II  | x         |              |                       |      |
| 2  | Phạm Thị Goa     | Trũng Kè II  | x         |              |                       |      |
| 3  | Phạm Mẹo         | Trũng Kè II  |           | x            |                       |      |
| 4  | Phạm Sang        | Trũng Kè II  |           | x            |                       |      |
| 5  | Phạm Ría         | Trũng Kè II  |           | x            |                       |      |
| 6  | Phạm Hiên        | Trũng Kè II  | x         |              |                       |      |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>06 hộ</b> |           |              |                       |      |







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN**

**MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI**

*(Thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025)*

**Kính gửi: Nhóm Cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II**

Tôi tên:.....PHẠM SANG.....

Ngày tháng năm sinh:.....01/12/1965.....

Số CCCD:.....051065015093.....Cấp ngày.....29/12/2025.....

Địa chỉ thường trú: Thôn Trũng Kè II, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi được hướng dẫn về nội dung và điều kiện được tham gia cũng như quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò cái lai, gia đình tôi lập đơn này xin đăng ký tham gia thực hiện với những cam kết cụ thể như sau:

- Nhận tổ chức nuôi bò lai sinh sản theo hướng dẫn của xã nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế cho gia đình.

- Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật được tập huấn và hướng dẫn.

- Chấp nhận góp vốn đối ứng để thể hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Vốn đối ứng gia đình chúng tôi đóng góp cụ thể là:

- 100% chi phí xây dựng chuồng trại và công lao động;

- Chi phí mua thức ăn hỗn hợp, vắc xin, thuốc sát trùng.... ngoài phần vốn của Nhà nước.

- Có đất trồng cỏ để đảm bảo thức ăn cho bò

- Cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện khác do UBND xã đưa ra.

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện các nội dung đã đăng ký. Nếu sai phạm, gia đình tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị thu hồi vốn đầu tư.

**TM/UBND XÃ**

**KT CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Đạt*

Hành Tín Tây, ngày 18 tháng 05 năm 2025

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*Sang*  
*Phạm Sang*



TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ  
HÀNG TRADING



Nguyễn Văn Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN**

**MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI**

*(Thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025)*

**Kính gửi: Nhóm Cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II**

Tôi tên:.....PHAM RIA.....

Ngày tháng năm sinh:.....01/10/1957.....

Số CCCD:.....051057008808.....Cấp ngày.....10/08/2021.....

Địa chỉ thường trú: Thôn Trũng Kè II, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi được hướng dẫn về nội dung và điều kiện được tham gia cũng như quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò cái lai, gia đình tôi lập đơn này xin đăng ký tham gia thực hiện với những cam kết cụ thể như sau:

- Nhận tổ chức nuôi bò lai sinh sản theo hướng dẫn của xã nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế cho gia đình.

- Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật được tập huấn và hướng dẫn.

- Chấp nhận góp vốn đối ứng để thể hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Vốn đối ứng gia đình chúng tôi đóng góp cụ thể là:

- 100% chi phí xây dựng chuồng trại và công lao động;

- Chi phí mua thức ăn hỗn hợp, vắc xin, thuốc sát trùng.... ngoài phần vốn của Nhà nước.

- Có đất trồng cỏ để đảm bảo thức ăn cho bò

- Cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện khác do UBND xã đưa ra.

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện các nội dung đã đăng ký. Nếu sai phạm, gia đình tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị thu hồi vốn đầu tư.

Hành Tín Tây, ngày 18 tháng 8 năm 2025

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

Ria

Phạm Ria



Nguyễn Văn Duân



THE  
UNITED STATES  
DEPARTMENT OF  
THE ARMY  
WASHINGTON, D. C.

1947  
1948  
1949

UNITED STATES  
DEPARTMENT OF  
THE ARMY



Colonel John D. ...



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN**

**MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI**

**(Thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025)**

**Kính gửi: Nhóm Cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II**

Tôi tên:.....PHAM HIÊN.....  
Ngày tháng năm sinh:.....01/01/1972.....  
Số CCCD:.....051072012220.....Cấp ngày.....18/08/2021.....  
Địa chỉ thường trú: Thôn Trũng Kè II, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh  
Quảng Ngãi.

Sau khi được hướng dẫn về nội dung và điều kiện được tham gia cũng như quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò cái lai, gia đình tôi lập đơn này xin đăng ký tham gia thực hiện với những cam kết cụ thể như sau:

- Nhận tổ chức nuôi bò lai sinh sản theo hướng dẫn của xã nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế cho gia đình.
- Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật được tập huấn và hướng dẫn.
- Chấp nhận góp vốn đối ứng để thể hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Vốn đối ứng gia đình chúng tôi đóng góp cụ thể là:
  - 100% chi phí xây dựng chuồng trại và công lao động;
  - Chi phí mua thức ăn hỗn hợp, vắc xin, thuốc sát trùng.... ngoài phần vốn của Nhà nước.
  - Có đất trồng cỏ để đảm bảo thức ăn cho bò
  - Cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện khác do UBND xã đưa ra.

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện các nội dung đã đăng ký. Nếu sai phạm, gia đình tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị thu hồi vốn đầu tư.

Hành Tín Tây, ngày 18 tháng 05 năm 2025

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

hiên  
phan hiên



THOMAS J. HENRY  
JAN 19 1964  
LIBRARY

THOMAS J. HENRY  
JAN 19 1964  
LIBRARY



THOMAS J. HENRY  
JAN 19 1964  
LIBRARY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN**

**MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI**

*(Thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025)*

**Kính gửi: Nhóm Cộng đồng dân cư thôn Trùng Kè II**

Tôi tên:.....PHẠM THỊ BIA.....  
Ngày tháng năm sinh:.....18/07/1955.....  
Số CCCD:.....051155808843..... Cấp ngày.....18/08/2021.....  
Địa chỉ thường trú: Thôn Trùng Kè II, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh  
Quảng Ngãi.

Sau khi được hướng dẫn về nội dung và điều kiện được tham gia cũng như quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò cái lai, gia đình tôi lập đơn này xin đăng ký tham gia thực hiện với những cam kết cụ thể như sau:

- Nhận tổ chức nuôi bò lai sinh sản theo hướng dẫn của xã nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế cho gia đình.
- Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật được tập huấn và hướng dẫn.
- Chấp nhận góp vốn đối ứng để thể hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Vốn đối ứng gia đình chúng tôi đóng góp cụ thể là:
  - 100% chi phí xây dựng chuồng trại và công lao động;
  - Chi phí mua thức ăn hỗn hợp, vắc xin, thuốc sát trùng.... ngoài phần vốn của Nhà nước.
  - Có đất trồng cỏ để đảm bảo thức ăn cho bò
  - Cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện khác do UBND xã đưa ra.

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện các nội dung đã đăng ký. Nếu sai phạm, gia đình tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị thu hồi vốn đầu tư.

Hành Tín Tây, ngày 18 tháng 05 năm 2025

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

Bia  
Phạm Thị Bia



TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
CÔNG NGHIỆP  
HÀNG TRẠNG



Chứng nhận  
Đã tốt nghiệp



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN**

**MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI**

**(Thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025)**

**Kính gửi: Nhóm Cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II**

Tôi tên:.....PHẠM MEO.....

Ngày tháng năm sinh:.....15/10/1970.....

Số CCCD:.....051070625591..... Cấp ngày.....10/08/2021.....

Địa chỉ thường trú: Thôn Trũng Kè II, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi được hướng dẫn về nội dung và điều kiện được tham gia cũng như quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò cái lai, gia đình tôi lập đơn này xin đăng ký tham gia thực hiện với những cam kết cụ thể như sau:

- Nhận tổ chức nuôi bò lai sinh sản theo hướng dẫn của xã nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế cho gia đình.

- Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật được tập huấn và hướng dẫn.

- Chấp nhận góp vốn đối ứng để thể hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Vốn đối ứng gia đình chúng tôi đóng góp cụ thể là:

- 100% chi phí xây dựng chuồng trại và công lao động;

- Chi phí mua thức ăn hỗn hợp, vắc xin, thuốc sát trùng.... ngoài phần vốn của Nhà nước.

- Có đất trồng cỏ để đảm bảo thức ăn cho bò

- Cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện khác do UBND xã đưa ra.

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện các nội dung đã đăng ký. Nếu sai phạm, gia đình tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị thu hồi vốn đầu tư.

Hành Tín Tây, ngày 18 tháng 05 năm 2025

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**



meo  
phạm meo

TRAVELERS  
HOTEL  
LONDON  
ENGLAND  
JAN 10 1900  
APPROVED FOR  
JAN 10 1900



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN**

**MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ CÁI LAI**

**(Thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025)**

**Kính gửi: Nhóm Cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II**

Tôi tên:.....PHAM THI' GOA.....

Ngày tháng năm sinh:.....10/02/1992.....

Số CCCD:.....051192005211..... Cấp ngày.....12/02/2021.....

Địa chỉ thường trú: Thôn Trũng Kè II, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi được hướng dẫn về nội dung và điều kiện được tham gia cũng như quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò cái lai, gia đình tôi lập đơn này xin đăng ký tham gia thực hiện với những cam kết cụ thể như sau:

- Nhận tổ chức nuôi bò lai sinh sản theo hướng dẫn của xã nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế cho gia đình.

- Cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật được tập huấn và hướng dẫn.

- Chấp nhận góp vốn đối ứng để thể hiện phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Vốn đối ứng gia đình chúng tôi đóng góp cụ thể là:

- 100% chi phí xây dựng chuồng trại và công lao động;

- Chi phí mua thức ăn hỗn hợp, vắc xin, thuốc sát trùng.... ngoài phần vốn của Nhà nước.

- Có đất trồng cỏ để đảm bảo thức ăn cho bò

- Cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện khác do UBND xã đưa ra.

Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện các nội dung đã đăng ký. Nếu sai phạm, gia đình tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị thu hồi vốn đầu tư.

Hành Tín Tây, ngày 18 tháng 05 năm 2025

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**



goa  
Phạm thi goa.

THAMMATH  
KHUONG TUNG  
PHO CHU THAI



Nguyễn Văn Tuấn



Số: 146/QĐ-UBND

Hành Tín Tây, ngày 20 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận nhóm cộng đồng dân cư tham gia Tiểu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư  
– Mô hình nuôi bò cái lai.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÀNH TÍN TÂY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt



động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; Quyết định số 5733/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện Nghĩa Hành về điều chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025;

- Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng;

- Căn cứ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh và ngân sách huyện;

Xét đề nghị của thôn Trũng Kè II.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công nhận Nhóm cộng đồng dân cư Trũng Kè II để tham gia vào dự án chăn nuôi bò cái lai thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 – Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Hành Tín Tây năm 2025. *(Có danh sách thành viên từng nhóm cộng đồng kèm theo).*

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho Ban chỉ đạo các chương trình MTQG của xã phối hợp với các Ban, ngành, hội đoàn thể xã, các Ban thôn và trưởng nhóm cộng đồng tổ chức họp nhóm cộng đồng để phổ biến nội dung, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, cơ chế quay vòng luân chuyển vốn theo quy định và xây dựng quy chế tổ chức hoạt động của nhóm cộng đồng.



**Điều 3.** Văn UBND xã, Tài chính xã, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã, các ban thôn, trưởng nhóm cộng đồng và các tổ chức/cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nhóm cộng đồng tự giải thể sau khi kết thúc dự án.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Mặt trận và các Hội, đoàn thể xã;
- Các thôn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**



*Mai Văn Cường*

**DANH SÁCH NHÓM CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN TRƯNG KÈ II**  
 (Kèm theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của UBND xã Hành Tín Tây)

| TT | Họ và tên    | Địa chỉ<br>(Xóm/KDC) | Đối tượng chính sách |              |                       |            | Chức danh<br>trong nhóm |
|----|--------------|----------------------|----------------------|--------------|-----------------------|------------|-------------------------|
|    |              |                      | Hộ<br>nghèo          | Cận<br>nghèo | Mới<br>thoát<br>nghèo | Hộ<br>DTTS |                         |
| 1  | Phạm Thanh   | Trưng Kè II          |                      |              |                       |            | Trưởng nhóm             |
| 2  | Phạm Thị Bía | Trưng Kè II          | x                    |              |                       |            | Thành viên              |
| 3  | Phạm Thị Goạ | Trưng Kè II          | x                    |              |                       |            | Thành viên              |
| 4  | Phạm Mẹo     | Trưng Kè II          |                      | x            |                       |            | Thành viên              |
| 5  | Phạm Sang    | Trưng Kè II          |                      | x            |                       |            | Thành viên              |
| 6  | Phạm Ria     | Trưng Kè II          |                      | x            |                       |            | Thành viên              |
| 7  | Phạm Hiên    | Trưng Kè II          | x                    |              |                       |            | Thành viên              |



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG**  
**NHÓM CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN TRƯNG KÈ II**

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của UBND xã Hành Tín Tây về việc thành lập nhóm cộng đồng dân cư tham gia Tiểu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Dự án chăn bò cái lai, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành).

Căn cứ Biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư thôn Trùng Kè II, ngày 22 tháng 5 năm 2025.

Nhóm cộng đồng dân cư thôn Trùng Kè II, xã Hành Tín Tây thống nhất xây dựng quy chế hoạt động của nhóm gồm những nội dung cụ thể như sau:

1. Tất cả 7 thành viên trong nhóm cộng đồng thống nhất cùng góp công và góp của để thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư – Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Dự án chăn nuôi bò cái lai đạt hiệu quả cao nhất, chất lượng tốt nhất).

2. Từng thành viên trong nhóm cộng đồng có trách nhiệm đóng góp đầy đủ và kịp thời bằng hiện vật các nội dung ngoài phần ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện mô hình theo dự án được duyệt như: Chuồng trại để nuôi nhốt bò, vắc xin, thuốc sát trùng, đá liếm, thức ăn, chi phí phối giống và nhân công nuôi dưỡng chăm sóc bò.

3. Trong chu kỳ chăn nuôi bò cái lai sinh sản tối thiểu 18 tháng, từng thành viên trong nhóm cộng đồng cam kết không được tự ý trao đổi hoặc mua bán, xẻ thịt bò giống, thức ăn hỗ trợ ban đầu... cho người khác. Nếu hộ thành viên nào vi phạm sẽ bị thu hồi toàn bộ giá trị đầu tư để chuyển đổi cho hộ khác.

4. Mỗi thành viên trong nhóm cộng đồng phải có trách nhiệm đóng góp bằng tiền trị giá 1.150.000 đồng để giao cho UBND xã thực hiện cơ chế quay vòng luân chuyển vốn theo quy định của UBND tỉnh. Thời gian thực hiện quay vòng luân chuyển vốn sau 18 tháng thực hiện dự án chăn nuôi bò cái lai. Nếu gặp rủi ro bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh... gây thiệt hại trong chăn nuôi sẽ được Hội đồng kiểm tra, đánh giá đề nghị hỗ trợ từ các nguồn khác (nếu có).

5. Khi có sản phẩm của dự án mỗi thành viên trong nhóm cộng đồng đều có quyền tự quyết định hình thức tiêu thụ, giá tiêu thụ theo cơ chế thị trường và nguyên tắc có lợi nhất.

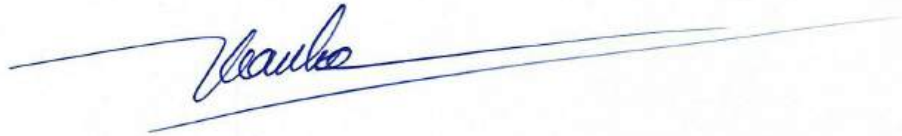
6. Quy chế này, được áp dụng trong suốt quá trình thực hiện mô hình chăn nuôi bò cái lai tại xã Hành Tín Tây.

Trong quá trình thực hiện, nếu nội dung nào chưa phù hợp hoặc cần thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, nhóm cộng đồng giao cho trưởng nhóm, phó trưởng nhóm và

thư ký nhóm dự thảo nội dung để đưa ra cuộc họp của nhóm thảo luận, lấy ý kiến thống nhất.

Nội dung quy chế hoạt động này đã được đưa ra cuộc họp của nhóm cộng đồng dân cư thôn Trũng Kè II, xã Hành Tín Tây vào ngày 22 tháng 5 năm 2025 để thảo luận và hoàn toàn thống nhất./.

**TM. NHÓM CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ  
NHÓM TRƯỞNG**

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Phạm Thanh', is written over a horizontal line.

**Phạm Thanh**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HÀNH TÍN TÂY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 40/KH-UBND

Hành Tín Tây, ngày 12 tháng 5 năm 2025

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội  
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Hành Tín Tây năm 2025**

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng;

Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xã Hành Tín Tây năm 2025 (sau đây viết tắt là Kế hoạch) như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã, nâng cao đời sống người dân, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững nhằm đạt được mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở xã, thôn nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối



tượng, hiệu quả, bền vững.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tăng thu nhập nâng cao chất lượng cuộc sống;

- Nâng cao nhận thức cho người dân tiếp cận pháp luật giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

## **2. Yêu cầu**

- Xác định công tác phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên lâu dài, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế – xã hội của xã và mang tính nhân văn sâu sắc.

- Bảo đảm thực hiện chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả bền vững.

- Xác định rõ mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ, giải pháp và tiến độ thực hiện, bám sát các quan điểm chỉ đạo, bảo đảm được triển khai đạt hiệu quả trên địa bàn xã.

- Việc tổ chức thực hiện phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

#### **1.1. Đối tượng: Hộ nghèo**

#### **1.2. Phạm vi và thời gian thực hiện**

- Phạm vi thực hiện: trũng kè 1 và trũng kè 2.

- Thời gian thực hiện: Quý 3-4/2025.

#### **1.3. Nội dung và hình thức thực hiện**

Xây mới nhà ở cho 03 hộ ở thôn Trũng kè 1 và Trũng Kè 2

#### **1.4. Kinh phí thực hiện:**

Tổng kinh phí được phân bổ: 138 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương: 120 triệu đồng và ngân sách tỉnh: 12 triệu đồng và Ngân sách huyện 6 triệu đồng (theo quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh).

### **2.2. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

#### **1.1. Đối tượng: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số.**



## **2.6. Dự án 10: Truyền thông tuyên truyền vận động trong vùng DB DTTS**

Tiểu Dự án 1: Biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy tín, phổ biến giáo dục pháp luật trợ giúp pháp lý và tuyên truyền cho cán bộ thôn thực hiện chương trình

**1.1. Đối tượng:** người có uy tín và cán bộ thôn của 2 thôn trũng kè 1 và trũng kè 2

### **1.2. Phạm vi và thời gian thực hiện**

- Phạm vi thực hiện: trũng kè 1 và trũng kè 2.
- Thời gian thực hiện: Quý 3-4/2025.

### **1.3. Nội dung và hình thức thực hiện**

Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật cho người có uy tín và cán bộ thôn Trũng Kè I và thôn Trũng Kè II

### **1.4. Kinh phí thực hiện:**

Tổng nguồn vốn sự nghiệp được giao là 40.75 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 35 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 4 triệu đồng, ngân sách huyện: 1.75 triệu đồng; (theo quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh)

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Văn phòng xã, VHXH**

- Chủ trì, phối hợp với các ban ngành chuyên môn và tham mưu cho UBND xã Hành Tín Tây triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các chính sách, dự án của Kế hoạch; tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời đề xuất UBND xã xem xét, chỉ đạo xử lý các vướng mắc (nếu có); tổng hợp báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất cho UBND xã, các phòng ban của huyện theo quy định.

### **2. Giao bộ phận Tài chính – Kế toán xã:**

Căn cứ nguồn kinh phí được phân bổ cho địa phương trong thực hiện chương trình theo quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh trên cơ sở dự toán đó có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ kinh phí, thực hiện chế độ thanh quyết toán theo đúng quy định.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:**

Kinh phí thực chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã Hành Tín Tây năm 2025 được phân bổ tại quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện các Tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi trên địa bàn xã Hành Tín Tây năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND xã;
- Mặt trận và các đoàn thể xã;
- 02 thôn rừng Kè 1 và Trùng Kè 2;
- Lưu: VT.



**Mai Văn Tường**



### **1.2. Phạm vi và thời gian thực hiện**

- Phạm vi thực hiện: trứng kê 1 và trứng kê 2.
- Thời gian thực hiện: Quý 2-3/2025.

### **1.3. Nội dung và hình thức thực hiện**

Mua bò cái lai cấp cho 02 thôn Trứng kê 1 và Trứng Kê 2 để chăn nuôi phát triển sản xuất

### **1.4. Kinh phí thực hiện:**

Tổng kinh phí được phân bổ: 305.3 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương: 266 triệu đồng và ngân sách tỉnh: 26 triệu đồng và Ngân sách huyện 13.3 triệu đồng (theo quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh).

**2.3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**

#### **1.1. Đối tượng: thôn trứng kê 1**

#### **1.2. Phạm vi và thời gian thực hiện**

- Phạm vi thực hiện: trứng kê 1
- Thời gian thực hiện: Quý 2/2025.

#### **1.3. Nội dung và hình thức thực hiện**

- Sửa chữa, nâng cấp đường xóm mới khu dân cư thôn Trứng kê 1

#### **1.4. Kinh phí thực hiện:**

Tổng vốn được giao là: 87.5 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 77 triệu đồng ,ngân sách tỉnh: 7 triệu đồng , ngân sách huyện : 3.85 triệu đồng . (theo quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh)

**2.4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

*2.4.1 Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp*

#### **1.1. Đối tượng: 2 thôn trứng kê 1 và trứng kê 2.**

#### **1.2. Phạm vi và thời gian thực hiện**

- Phạm vi thực hiện: trứng kê 1 và trứng kê 2.
- Thời gian thực hiện: Quý 2/2025.

#### **1.3. Nội dung và hình thức thực hiện**

Tổ chức Hội nghị tư vấn, giới thiệu việc làm cho thanh niên và người lao động của 2 thôn ĐBDTS



#### **1.4. Kinh phí thực hiện:**

Tổng vốn được giao : 69 triệu đồng, gồm ngân sách trung ương: 60 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 6 triệu đồng, ngân sách huyện : 3 triệu đồng. (theo quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh)

#### **2.5. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

**1.1. Đối tượng:** 2 thôn trũng kè 1 và trũng kè 2.

##### **1.2. Phạm vi và thời gian thực hiện**

- Phạm vi thực hiện: trũng kè 1 và trũng kè 2.

- Thời gian thực hiện: Quý 3-4/2025.

##### **1.3. Nội dung và hình thức thực hiện**

Chi tiền hỗ trợ các gói sinh đẻ cho phụ nữ sinh con ở thôn Trũng Kè

I và thôn Trũng Kè II

#### **1.4. Kinh phí thực hiện:**

Tổng vốn được giao : 51.2 triệu đồng, gồm ngân sách trung ương: 44 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 5 triệu đồng, ngân sách huyện : 2.2 triệu đồng. (theo quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh)

#### **2.6. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**

Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

**1.1. Đối tượng:** 2 thôn trũng kè 1 và trũng kè 2.

##### **1.2. Phạm vi và thời gian thực hiện**

- Phạm vi thực hiện: trũng kè 1 và trũng kè 2.

- Thời gian thực hiện: Quý 2/2025.

##### **1.3. Nội dung và hình thức thực hiện**

Mở lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và kỹ năng về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho thanh thiếu niên, học sinh và người dân thôn

#### **1.4. Kinh phí thực hiện:**

Tổng nguồn vốn sự nghiệp được giao là 365.9 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 318 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 32 triệu đồng, ngân sách huyện: 15.9 triệu đồng; (theo quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh)



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình  
mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào  
dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách  
Trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh và ngân sách huyện**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 từ nguồn vốn Trung ương và vốn ngân sách tỉnh đối ứng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 6/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ 22 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 4519/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025;*

*Theo đề nghị của Văn phòng HĐND&UBND huyện tại Tờ trình số 59/TTr-VP ngày 15/5/2025 và đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 117/TTr-TCKH ngày 15/5/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 là 1.058,0 triệu đồng, trong đó:

- + Vốn ngân sách Trung ương: 920,0 triệu đồng.
- + Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 92,0 triệu đồng.
- + Vốn đối ứng ngân sách huyện: 46,0 triệu đồng, từ nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế khác năm 2025.

*(Chi tiết như Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Phòng Tài chính – Kế hoạch có trách nhiệm xử lý kinh phí nêu tại Điều 1 Quyết định này, hướng dẫn, kiểm tra, quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương có tên tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán đúng quy định hiện hành của nhà nước.

3. Văn phòng HĐND&UBND huyện có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện; báo cáo kết quả cho UBND huyện biết để theo dõi, chỉ đạo và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

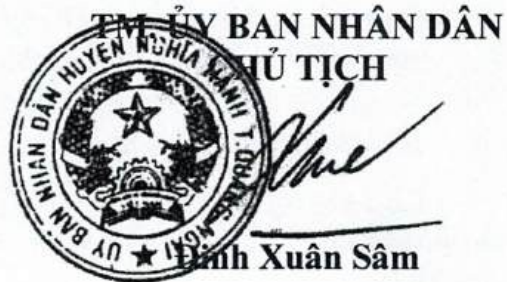
4. Giao Phòng giao dịch số 21 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII kiểm soát và thanh toán vốn đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch; Phòng giao dịch số 21 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII; Chủ tịch UBND xã Hành Tín Tây và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.







**Phụ lục**

Phụ lục Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 16/05/2025 của Chủ tịch UBND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                | Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025 |       |       |           |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------|-------|-----------|
|     |                                                                                                                                                                         | Vốn TW                          | Tỉnh  | Huyện | Tổng cộng |
| I   | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt                                                                                         | 120,00                          | 12,00 | 6,00  | 138,00    |
| 1   | Hỗ trợ nhà ở                                                                                                                                                            | 120,00                          | 12,00 | 6,00  | 138,00    |
| -   | Xây dựng Nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo thôn Trũng Kè I                                                                                                                  | 80,00                           | 8,00  | 4,00  | 92,00     |
| -   | Xây dựng Nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo thôn Trũng Kè II                                                                                                                 | 40,00                           | 4,00  | 2,00  | 46,00     |
| II  | Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị                          | 266,00                          | 26,00 | 13,30 | 305,30    |
| 1   | Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN | 266,00                          | 26,00 | 13,30 | 305,30    |
| -   | Hỗ trợ cấp giống Bò cái lai cho thôn Trũng Kè I                                                                                                                         | 140,00                          | 14,00 | 7,00  | 161,00    |
| -   | Hỗ trợ cấp giống Bò cái lai cho thôn Trũng Kè II                                                                                                                        | 126,00                          | 12,00 | 6,30  | 144,30    |
| III | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc                       | 77,00                           | 7,00  | 3,85  | 87,85     |
| 1   | Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                               | 77,00                           | 7,00  | 3,85  | 87,85     |
| -   | Sửa chữa tuyến đường xóm mới khu dân cư thôn Trũng Kè I                                                                                                                 | 77,00                           | 7,00  | 3,85  | 87,85     |
| IV  | Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực                                                                                                 | 60,00                           | 6,00  | 3,00  | 69,00     |
| 1   | Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN                                                              | 60,00                           | 6,00  | 3,00  | 69,00     |
| -   | Mở lớp tập huấn tư vấn, giới thiệu việc làm cho thanh niên và người lao động thôn Trũng Kè I                                                                            | 30,00                           | 3,00  | 1,50  | 34,50     |
| -   | Mở lớp tập huấn tư vấn, giới thiệu việc làm cho thanh niên và người lao động thôn Trũng Kè II                                                                           | 30,00                           | 3,00  | 1,50  | 34,50     |
| V   | Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em                                                                         | 44,00                           | 5,00  | 2,20  | 51,20     |
| 1   | Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em                                                                                  | 44,00                           | 5,00  | 2,20  | 51,20     |
| -   | Chi tiền hỗ trợ các gói sinh đẻ cho phụ nữ sinh con ở thôn Trũng Kè I và thôn Trũng Kè II                                                                               | 44,00                           | 5,00  | 2,20  | 51,20     |

| STT        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2025 |              |              |                 |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|--------------|-----------------|
|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Vốn TW                          | Tỉnh         | Huyện        | Tổng cộng       |
| <b>VI</b>  | <b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>                                                                                                                                                                                                                                           | <b>318,00</b>                   | <b>32,00</b> | <b>15,90</b> | <b>365,90</b>   |
| 1          | Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.                                                                                                                                                                                          | 318,00                          | 32,00        | 15,90        | 365,90          |
| -          | Mở lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và kỹ năng về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho thanh thiếu niên, học sinh và người dân thôn Trũng Kè I                                                                                                                                                              | 159,00                          | 16,00        | 7,95         | 182,95          |
| -          | Mở lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và kỹ năng về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho thanh thiếu niên, học sinh và người dân thôn Trũng Kè II                                                                                                                                                             | 159,00                          | 16,00        | 7,95         | 182,95          |
| <b>VII</b> | <b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>                                                                                                                                                                                | <b>35,00</b>                    | <b>4,00</b>  | <b>1,75</b>  | <b>40,75</b>    |
| 1          | Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN | 35,00                           | 4,00         | 1,75         | 40,75           |
| -          | Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật cho người có uy tín và cán bộ thôn Trũng Kè I và thôn Trũng Kè II                                                                                                                                                                                                                             | 35,00                           | 4,00         | 1,75         | 40,75           |
|            | <b>Tổng cộng:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>920,00</b>                   | <b>92,00</b> | <b>46,00</b> | <b>1.058,00</b> |